

# HỌC - VIỆN QUỐC - GIA HÀNH - CHÍNH

*Luận - Văn Cốt - Nghiệp*

VẤN ĐỀ :  
DÂN CHỦ và DÂN TRÍ  
tại  
VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

THƯ VIỆN QUỐC - GIA  
VIỆT - NAM  
Số 1146

Sinh - viên NGUYỄN - MẠNH - PHÚC

Ban Đốc - Sự Hành - Chính

*Khóa 17*

1969 — 1972

THƯ VIỆN KHOA HỌC TỔNG HỢP  
LVHC 1146

\*

Học-Viện Quốc-Gia Hành-Chánh  
không tán-thành, cũng không phân-  
đốt những ý kiến phát-biểu trong  
Luận-Văn; những ý kiến đó do tác-  
giả soạn toàn chịu trách-nhiệm.

CHÂN THÀNH CẢM TẠ

*Giáo-sư* TẠ VĂN TÀI

*Tiến-sĩ Chính-trị-học*

Đã tận tình, hướng dẫn chúng tôi  
hoàn thành tập luận văn này

THÀNH KÍNH TƯỢNG NIỆM HƯƠNG HỒN

Cố Giáo-sư Viện-Trưởng

NGUYỄN VĂN BÔNG

MÀ chúng tôi vẫn một lòng kính mến

KÍNH DÂNG HƯƠNG HỒN THÂN PHỤ

KÍNH TẶNG MẪU THÂN

Món quà đầu tiên của Con

Kính tặng :

NGUYỄN MẠNH PHÚC  
Độc-sử 17

# MỤC LỤC

	Trang
<b>DẪN NHẬP</b>	
Phần Một	
<b>VĂN-ĐỀ DÂN-CHỦ TẠI VIỆT-NAM CỘNG-HÒA</b>	
Chương I.- QUAN-NIỆM VỀ DÂN-CHỦ .....	2
Đoạn I.- Nguyên lý dân-chủ .....	3
Đoạn II.- Tập tục dân chủ .....	6
Chương II.- LỊCH TRÌNH TIẾN-TRIỂN CỦA NỀN DÂN-CHỦ VIỆT-NAM .....	10
Đoạn I.- Sự hình thành của nền dân chủ Việt-Nam .....	11
Đoạn II.- Đệ Nhất Cộng-Hòa và chế-độ dân-chủ .....	13
Đoạn III.- Chính-quyền Quân-nhân và giai-đoạn chuyển tiếp .....	16
Đoạn IV.- Hiến-pháp 1.4.67 và nền Đệ Nhị Cộng-Hòa .....	18
Chương III.- THỰC CHẤT CỦA NỀN DÂN CHỦ TẠI VIỆT-NAM CỘNG-HÒA .....	20
Đoạn I.- Nền tảng pháp lý của chế-độ .....	20
Đoạn II.- Thái-độ của chính-quyền trong việc thi hành dân-chủ .....	26
Đoạn III.- Thái-độ của dân-chúng đối với các quyền tự do .....	34

Phần Hai

VẤN-ĐỀ DÂN-TRÍ TẠI VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Chương	I.- TƯỜNG-QUAN GIỮA DÂN-CHỦ VÀ TRÌNH-ĐỘ DÂN-TRÍ .....	38
Đoạn	I.- Ảnh-hưởng của trình-độ dân-trí đến việc xây dựng dân-chủ .....	38
Đoạn	II.- Tình-trạng dân-trí Việt-Nam-Cộng-Hòa .....	40
Chương	II.- NHỮNG NGUYÊN-NHÂN LÀM CHO DÂN-TRÍ VIỆT-NAM CỘNG-HÒA THẤP KÉM .....	42
Đoạn	I.- Nguyên nhân giáo-dục .....	42
	II.- Nguyên nhân kinh-tế .....	46
	III.- Nguyên nhân xã-hội .....	50
Chương	III.- NHỮNG BIỆN-PHÁP ĐỂ NÂNG CAO DÂN-TRÍ .....	53
Đoạn	I.- Phát-triển giáo-dục .....	53
Đoạn	II.- Phát-triển kinh-tế .....	53
Đoạn	III.- Cải tạo xã-hội .....	58
	KẾT LUẬN .....	61
	THỤ TỊCH .....	63





# DẪN NHẬP

## THƯ-VIỆN QUỐC-GIA

Trong xã-hội cổ-thời, tư-tưởng chính-trị đặt nền tảng trên lý-thuyết thần-quyền. Theo lý-thuyết này, vũ-trụ do một Thượng-Đế, là một đấng toàn-thiện, toàn-năng tạo nên. Người do Thượng-Đế sinh ra lại ban cho một Linh-hồn tột-tuyệt nên dùng đầu vạn-vật. Nhưng để xứng đáng với địa-vị cao-quý của mình, con người phải luôn luôn sống theo lẽ-luật của Thượng-Đế. Như vậy, đối với con người đấng toàn-thiện này có vai-quyền tuyệt đối. Mặt khác những người cầm-quyền ở mỗi xã-hội thường được xem là những kẻ đại-diện Thượng-Đế ở trần-gian, và do đó họ cũng phải có vai-quyền tuyệt-đối để cai-trị dân-chúng.

Vì thế, xã-hội cổ-thời thường được cai-trị một cách chuyên-chế và có khuynh-hướng tiến về hình-thức độc-tài. Trong chế-độ này tất cả quyền-hành nằm trong tay một nhà Vua thường được xưng tụng là Thiên-Tử; vâng mạng trời mà cai-trị muôn dân. Bởi thế, nhà Vua có trọn quyền điều-khiển việc nước theo ý mình. Vai-quyền của nhà Vua có thể nói là vô-hạn. Nhưng muốn nắm giữ quyền bính nhà Vua phải có lực-lượng trong tay, lực-lượng này là bộ hạ, tức là dân quân-thần, quan lại trung-thành với nhà Vua, với dòng họ nhà Vua. Tuy nhiên, nếu thiếu sự ủng-hộ của dân-chúng, không có chính-quyền nào đứng vững được lâu dài, nhất là khi có nội-biến hay ngoại-xâm. Bởi lẽ đó các chính-quyền khách sang một đời xưa, đều nhận rằng sự ủng-hộ của dân chúng rất cần; muốn cho chính-quyền vững chắc nhà Vua phải thỏa mãn cho dân chúng một phần nào, hay ít nhất cũng đừng tạo nên nỗi bất-bình nơi họ để họ không chống đối lại mình.

Ngoài sự khôn ngoan chính-trị đó, một xu-hướng đạo-đức lại được thêm vào khiến cho các chính-khách nêu ra nhiều ý-tưởng bênh-vực dân-chúng và chủ-trương bảo-vệ quyền-lợi những kẻ bị bạc đãi, xem mọi người đều như nhau.

Theo trào-lưu tiến-hóa của loài người, các ý - niệm dân-chủ bắt đầu xuất-hiện.

Đô-thị La-Mã trước kia cũng phải trải qua những cuộc xung-đột giữa quý-tộc và thường dân. Mãi đến thế-kỷ thứ ba trước kỷ-nguyên, thường dân mới được giữ chức-vụ trong nước y như quý-tộc. Điều này đưa La-Mã đến một thể-chế (ộng-Hòa trong đó theo một câu ngôn ngữ : "Trẫm dân được xem là trẫm của Trời (1)".

Người Trung-Hoa vốn đã có tư-tưởng dân-chủ từ lâu. Đời Thượng-Cổ đã phát sinh ra thuyết cho rằng nhà Vua cai-trị dân là do mạng trời. Song nếu nhà Vua làm quấy thì mạng trời ấy có thể mất được. Thêm nữa, Nho-Giáo dạy rằng trời với người đồng một thể, cho nên hễ dân muốn thế nào thì trời muốn thế ấy. Trong kinh-thư, Thiên Thái-Hệ có chép rằng :

"Trời thương dân, dân muốn điều gì, trời cũng theo".  
(Thiên-Cảng vi-dân, dân-chi sở-dục, Thiên tất tùng chi) (2).

Nhưng có lẽ đến thời (hiển-Quốc, tư-tưởng dân - chủ Trung-Hoa mới nảy nở một cách mạnh-mẽ. Thầy Mạnh-Tử, đã táo bạo nêu ra nguyên-tắc : "Dân vi-quí, xã-tắc thứ-chi, quân-vi-khinh" có nghĩa là : (Dân là quý, thứ là đến xã-tắc, thứ nữa mới đến vua.

Những tưởng-hợp trên cho phép ta nói rằng trong những tổ-chức xã-hội cổ-thời đã có mầm-mống của tư-tưởng dân-chủ.

(1) Hùng Nguyên Nguyễn ngọc Huy : Dân-tộc sinh-tồn trang 75

(2) Hùng Nguyên sách đã dẫn trang 76.

Tuy vậy những tư-tưởng dân-chủ trên đây thường có tính-cách đạo-đức hơn là tính-cách luật-pháp. Một số những tư-tưởng tốt đẹp này được dùng để giáo-hóa nhà cầm-quyền đương-thời. Nếu họ biết nghe theo thì dân được sung-sướng. Trái lại nếu gặp phải hôn-quân hay bạo-chúa thì họ phải chịu khổ-sở lầm-than. Những chế-độ chính-trị nảy sinh tiếp nối chẳng qua là để hạn-chế những quyền-hành tuyệt-đối của nhà Vua; nhưng nó thường không đủ hiệu-lực để bênh-vực dân chúng và cứ luôn luôn bị hao mòn khi quyền-hành nhà Vua càng lớn.

Thêm vào ý-niệm dân-chủ trên, ý-niệm về sự bình-đẳng và tự-do cũng lần lượt phát-sinh. Có thể những lý-thuyết dân-chủ này phát-sinh trước tiên tại nước Anh và Pháp nhờ một số nhà văn có tinh-thần tiến-bộ trong đó quan trọng nhất là John Locke, Montesquieu và Jean Jacques Rousseau. Tuy các luồng tư-tưởng đó chưa thật sự hoàn-hảo nhưng được xem như một cơ-sở làm gốc, làm nền móng cho lý-tưởng dân-chủ sau này.

Trở lại khung-cảnh nước nhà, Lịch-sử đã chứng tỏ cho chúng ta thấy rằng mầm mống dân-chủ đã có từ đời nhà Trần qua việc triệu-tập Hội-Nghị Diên-Hồng để hỏi ý-kiến chung của toàn dân về việc quyết-định lựa chọn giữa hòa-bình và chiến-tranh. Tuy thế, nền dân-chủ thực-sự được áp-dụng một cách muộn màng này vẫn còn vương vấn tính cách nhân-đạo của nhà Vua.

Sau thời-kỳ dài gần tám mươi năm bị Pháp đô-hà người Việt-Nam đã nhận-thức được sự cần-thiết, ích-lợi của một chế-độ Dân-Chủ trong đó quyền tự-do của người dân được tôn-trọng (Chúng ta đã anh-dũng đứng lên giành độc-lập để thực-hiện chế-độ này).

Đã bao năm qua, trong khi những nước Á-Phi khác có cùng một hoàn-cảnh đã đạt tới một tình-trạng ổn cố chính tại tương-đối; thì ngày nay chúng ta vẫn còn lúng-túng khi thực hiện chế độ mong muốn. Sinh-hoạt dân-chủ ở Việt-Nam đã gặp rất nhiều khùng-hoảng vì các âm-mưu thiết-lập những chế-độ độc-tài. Những âm-mưu trên thành-công rồi gây đổ hay thất-bại ngay từ trứng nước; nhưng đã làm cho sinh-hoạt chính trị Việt-Nam không đạt được những bước tiến đáng kể, vì sao ?

Có một số người cho rằng vì nước ta luôn luôn gặp phải tình-trạng chiến-tranh gây trở-ngại cho việc thiết-lập một chế-độ dân-chủ. Có người cho rằng vì nước ta kém mỡ-mang nên chưa thể áp-dụng một chế-độ Dân-chủ lý-tưởng như tại các nước Tây-Phương. Khuynh-hướng thứ hai này có phải là sự thật không ?

Chúng tôi xin được duyệt-xét vấn-đề qua hai phần:

- . Phần I : Vấn-đề Dân-Chủ tại Việt-Nam Cộng-Hòa.
- . Phần II : Vấn-đề Dân-Trị tại Việt-Nam Cộng-Hòa.

PHẦN THỨ NHẤT  
**VẤN-ĐỀ DÂN-CHỦ**  
**TẠI VIỆT-NAM CỘNG-HÒA**

Nói đến chính-trị, người ta thường hình-dung đến mối tương-quan giữa hai hạng người : Người cai-trị và người bị trị; và sự tương-quan này phải được qui-định rõ rệt. Lý-tưởng dân-chủ là phải hủy-bỏ sự phân-biệt giữa nhà cầm-quyền và kẻ bị-trị. Trong chế-độ dân-chủ, một người dân vừa là người phải tuân theo luật-pháp và bị trị, vừa là người nắm giữ một phần chủ-quyền của quốc-gia và được dùng lá phiếu để chỉ-định kẻ thay thế mình trị quốc(1).

Nhưng trên thực-tế, trong xã-hội Việt-Nam, chúng ta nhận thấy không thể nào giảm bớt được sự phân cách trên, dù xã-hội có được tổ-chức theo nguyên-tắc dân-chủ; vẫn có kẻ bị trị và người cai trị và người cai-trị có quyền hành rộng lớn hơn. Nói như vậy, không có nghĩa là sự cố gắng hủy bỏ phần nào sự phân-cách là một hành-động vô nghĩa. Trái lại nó có ưu-điểm là làm giảm bớt sự bất công và nhắc nhở cho nhà cầm-quyền nhớ rằng họ chỉ là công bộc của Quốc-Gia và họ không có quyền bóc lột dân chúng. Những cố gắng nhằm hủy bỏ phần nào sự phân-cách phải được thể hiện bằng cách nào trong khuôn khổ một chế-độ Dân-Chủ? Chúng ta đã thực-hiện được điều này chưa ?

Trong khuôn khổ giới hạn của đề-tài, để tìm hiểu vấn-đề, chúng tôi xin được phép trình-bày qua các chương :

- I - Quan-niệm về dân-chủ
- II - Lịch-trình diễn tiến của nền dân-chủ ở Việt-Nam.
- III - Thực-chất của chế-độ dân-chủ tại Việt-Nam Cộng-Hòa.

---

(1) Nguyễn ngọc Huy : Học-thuyết chính-trị Viện Đại-Học Đà-Lạt niên-khoá 1968-1969 trang 17.

## CHƯƠNG MỘT

## QUAN-NIỆM VỀ DÂN-CHỦ

Việc tìm hiểu ý-nghĩa của một danh-từ chính-trị như danh-từ dân-chủ không thể nào dễ-dàng như việc tìm ý nghĩa của một danh-từ khoa-học ; vì chính-trị không có được những hình ảnh, tiêu mốt rõ ràng chính xác như toán học để chúng ta có thể dựa vào đó mà xác định ý-nghĩa của danh-từ. Muốn hiểu rõ danh-từ dân-chủ, chúng ta cần phải hiểu về lý-thuyết dân-chủ. Nhưng phạm-vi của đề-tài và khuôn khổ của cuốn luận-văn không cho phép chúng tôi bàn sâu rộng về lý-thuyết dân-chủ.

Nói như vậy không có nghĩa là chúng ta có thể gạt bỏ việc tìm hiểu ý-nghĩa danh-từ dân-chủ. Mà thực ra để giản dị hóa vấn-đề, chúng tôi chỉ xin tìm hiểu thế nào là dân chủ chính-trị ?

Nếu hiểu theo ý-nghĩa chiết tự, dân-chủ có nghĩa là quyền làm chủ của người dân đối với đất nước của mình. Nhưng nếu chỉ tìm hiểu như vậy chúng ta sẽ gặp phải một vài khó khăn rắc rối khi nhìn vào những chế-độ của các quốc-gia trên thế-giới. Có những quốc-gia tuy được mệnh danh là dân-chủ nhưng trong quốc-gia đó người dân lại không hề được hành xử quyền làm chủ của mình hay nếu có cũng rất ít ; đó là những nước "dân-chủ nhân-dân" như Cộng-Hòa Dân-Chủ Nhân-Dân Triều-Tiên, Cộng-Hòa Dân-Chủ Nhân-Dân Đông-Đức, và gần chúng ta nhất là Việt-Nam Dân-Chủ Cộng-Hòa tức Bắc-Việt. Trong những nước vừa kể chủ quyền hoàn toàn ở trong tay một đảng duy nhất được phép hoạt-động là đảng Cộng-Sản. Trái lại có những nước tuy

có một chính-thể quân-chủ nhưng người dân lại được hưởng một chế độ chính-trị dân-chủ rất rộng rãi không kém các nước dân-chủ khác như Anh-Cát-Lợi, Bỉ, Nhật-Bản, Đan-Mạch.

Để có thể tìm hiểu chính xác về ý-nghĩa của hai chữ dân-chủ ngõ hầu có thể tránh được khó-khăn khi phải phân biệt một chế-độ dân-chủ thực sự và một chế-độ dân-chủ trá hình. Chúng ta, cần phải tìm hiểu những điểm tương đồng của các chế-độ dân-chủ thực sự. Ở đây chúng tôi xin được nhấn mạnh về những điểm cơ tính cách thực-tế qua những giải-pháp mà các dân-tộc đã thí-nghiệm để có được một chế-độ dân-chủ thực sự.

Để thực-hiện việc này, những quốc-gia theo chủ-nghĩa tự-do thường áp-dụng một số biện-pháp giống nhau. Những biện-pháp này lâu ngày trở thành những tập-tục dân-chủ.

Có cùng một chủ-nghĩa dân-chủ vẫn được thực-hiện dù cơ-cấu tổ-chức chính-quyền khác biệt. Để có thể tìm hiểu vấn đề chúng tôi xin trình bày khái quát về nguyên-lý dân-chủ và những tập tục dân-chủ chung của những quốc gia này.

### Đoạn I NGUYÊN LÝ DÂN CHỦ

Những quốc-gia theo chế-độ dân-chủ thực sự thường tôn trọng hai nguyên-lý chính-yếu :

- chủ-quyền quyền quốc-gia thuộc về toàn-dân.
- quyền tự-do của người dân phải được tôn trọng.

#### A.- CHỦ-QUYỀN THUỘC TOÀN DÂN.-

Như trên đã nói, những quốc-gia dân-chủ thực-sự, nguyên tắc "chủ-quyền thuộc về toàn dân" phải được xem là nguyên tắc căn-bản làm nền tảng cho chế-độ.



Quan niệm này được Jonh Locke và Rousseau giải-thích. Theo Jonh Locke vì muốn sung sướng hơn con người thành lập xã-hội. Sự thành-lập này do một sự đồng thuận của con người (1). Dù sống chung trong một xã-hội con người vẫn giữ lại một số đặc-quyền ngoại trừ những quyền họ nhường lại cho xã-hội khi thành-lập khế-ước. Sự kiện mà con người nhường quyền lập-pháp cho người đại-diện không có nghĩa là họ không nắm giữ quyền-hành. Họ chỉ ủy-nhiệm quyền lực tối cần cho xã-hội chứ không thần phục xã-hội. Dân chúng vẫn giữ quyền quyết-định tối hậu.

Rousseau cũng giải-thích việc con người thành lập xã-hội là do nơi sự thỏa-thuận của họ. Ông phủ-nhận thuyết thần quyền quan niệm rằng quyền lực xã-hội bắt nguồn từ thượng-đế và được ủy-nhiệm cho một cá-nhân để có thể bất kể khác phục-tùng. Nguồn gốc xã-hội loài người là một khế-ước và theo bản khế-ước xã-hội chủ-quyền được giao cho một vị chủ-tể là ý-chí chung. Ông quan-niệm rằng khi toàn dân họp lại quyết-định thì ý-chí của họ chắc chắn là phù-hợp với quyền lợi chung.

Tóm lại chủ-nghĩa dân-chủ giải-thích nguồn gốc của chủ-quyền bằng giả-thuyết khế-ước xã-hội. Và nguyên-tắc dân-chủ chính đáng ngày nay là : "Chủ-quyền thuộc về toàn dân". Vì dân-chủ tức là quyền làm chủ của người dân.

Chấp nhận nguyên-lý trên tức là chấp nhận quyền làm chủ thuộc về toàn dân chứ không phải thuộc về một cá nhân một dòng họ. Nhưng làm sao để tất cả người dân có thể hành xử quyền này để quyết định các vấn đề liên-hệ đến quốc-gia. Điều này không thể thực-hiện được. Để tìm một lối giải-quyết, người ta nghĩ đến việc bầu người đại-diện. Những người đại-diện chỉ là những người nhân-sự y-thác của nhân-dân để hành-xử chủ-quyền. Nhưng với những quyền được ủy-nhiệm, nếu người thụ-ủy lạm dụng thì sẽ có thể xâm phạm đến chính chủ-quyền của người dân. Vì thế người ta phải tìm cách giới hạn sự ủy-nhiệm để bảo vệ chủ quyền. Vì con người bi quan. "Họ ước định rằng người nào được

(1) Nguyễn văn Bông Luật Hiến-Pháp và Chính-trị-Học trang 124.

ủy-thác một quyền hành thì cũng như là được đặt lên một cái dốc tự nhiên đưa y đến chỗ lạm dụng quyền-thế (1)". Việc hạn chế quyền-hành của người được ủy-thác đã trở thành một tập tục trong chế-độ dân-chủ để thực-hiện việc tôn trọng nguyên-lý chủ-quyền thuộc toàn dân.

## B.- TÔN TRỌNG QUYỀN TỰ-DO CỦA NGƯỜI DÂN.-

Ngày nay những chế-độ độc-tài theo hình-thức cổ-diễn đều đã biến mất. Một chế-độ độc-tài mới đã xuất hiện dựa trên một chủ-nghĩa làm nền tảng, chủ-nghĩa Cộng-Sản. Chế-độ độc-tài này được nguy trang dưới nhãn hiệu "Dân-chủ Nhân-Dân". Đối ngược với chế-độ độc-tài là chế-độ dân chủ, một chế-độ dân-chủ lấy chủ-nghĩa tự-do làm nền tảng. Ở những quốc-gia tự-do dân-chủ này, quyền tự-do của con người luôn luôn được đề cao và tôn trọng dựa trên quan-niệm về nhân-phẩm, giá trị con người. Những quyền tự-do của con người được quan-niệm là đã sản có và xã-hội phải tôn trọng. Do đó, đối với những quyền tự-do, chính-quyền không được phép qui-định cứu cánh trước; cứu cánh đó sẽ tùy thuộc nơi sáng kiến của người dân và bốn phạm chính-quyền là tôn trọng và bảo-vệ những quyền đó mà thôi.

Trong chế-độ dân-chủ chính-trị, quyền tự-do phải được tôn-trọng để người dân có thể dùng đó làm phương-tiện hành-xử chủ-quyền. Người dân phải có được những quyền tự-do chính-trị, như tự-do bầu-cử, ứng-cử; và những quyền chọn lựa của người dân phải hoàn toàn vô-tự, không bị ép buộc về tinh-thần hay vật-chất. Vì lẽ đó người dân phải có được các quyền tự-do căn-bản như tự-do tư-tưởng, tự-do ngôn-luận, tự-do sinh sống và an-toàn.

Tôn-trọng quyền tự-do của người dân, xã-hội mới có được một chế-độ dân-chủ thực-sự. Vì khi nói đến dân-chủ chúng ta phải chấp nhận ý-niệm đa số và thiểu số. Ý chí chung là ý-chí của toàn dân, nhưng không phải tất cả mọi người đều chấp thuận một quan niệm, có cùng một

(1) Maurice Duverger : Những chế-độ chính-trị hiện nay, bản dịch của Tế-Xuyên trang 54.

quyết-định. Vì vậy người ta chỉ có thể căn-cứ vào đa số để tìm một quan-niệm thể-hiện ý-chí chung là đủ. Như vậy trong thực-tế chỉ có một phần dân chúng có dịp sử dụng quyền hành đã dành cho họ. Và tuy chỉ có một phần dân chúng quyết-định nhưng quyết-định ấy lại có giá trị với tất cả mọi người. Số còn lại phải tuân theo những quyết định đó dù không thích. Sự không thích đó phát sinh từ sự khác biệt về quan-niệm và sinh ra sự đụng chạm giữa đa số và thiểu số. Và dân chủ có được hay không cũng tùy thuộc phần lớn ở sự kiện này. Một quốc-gia chỉ có dân chủ thực sự khi phe thiểu số được quyền nói lên tiếng nói của họ; vấn-đề đối-lập được đặt ra, và trên bình-diện tổng-quát nếu ta quan sát sinh-hoạt chính-trị của những nước dân-chủ thực sự ta thấy quyền tự-do của công-dân được bảo vệ nhờ quyền đối-lập một phần lớn. Và đây cũng là một đặc-điểm của chế-độ dân-chủ.

Tóm lại để có được một chế-độ dân-chủ thực-sự, quyền tự-do của người dân phải được tôn trọng, những quyền này với một ảnh-hưởng hỗ-tương sẽ góp phần xây-dựng một chế-độ dân-chủ thực-sự lý-tưởng.

## Đoạn II TẬP TỤC DÂN CHỦ

Như đã nhận-định ở trên, những quyền tự-do với ảnh-hưởng hỗ tương sẽ trở thành một môi trường để phát triển dân-chủ. Nói khác đi dân-chủ chỉ được phát-triển nếu tôn-trọng chủ-nghĩa tự-do. Để bảo vệ tự-do một cách hữu-hiệu ngõ hầu giúp dân chủ có thể phát-triển, người ta phải làm yếu quyền hành của những người cai-trị. Những phương-thức làm suy-yếu này lâu ngày trở thành những tập tục của chế-độ dân-chủ.

### A.- BẦU-CỬ ĐỊNH-KỲ.

Chủ-quyền quốc-gia thuộc về toàn dân nên chính-quyền phải được chọn lựa bởi người dân, và sẽ được thay đổi theo ý-chí chung. Trong những nước dân-chủ người ta

dùng phương thức tuyển cử để chọn lựa người cai-trị. Tuyển cử phải được tổ-chức định kỳ để có thể thể hiện kịp thời sự thay đổi của ý-chí chung và giúp cho sự chuyển quyền diễn ra êm thấm. Bầu cử được tổ-chức định kỳ còn có tác dụng chính-yếu là bảo-vệ quyền tự-do của người dân; Nó nhắc nhở cho người cầm-quyền nhớ được mình chỉ là người thụ-ủy quyền-hành, nếu lạm-dụng sẽ bị thay thế một cách dễ dàng; ngoài ra bầu cử được tổ chức định-kỳ giúp người giúp người dân kịp thời thay đổi người cầm quyền để bảo-vệ quyền tự-do nếu cảm thấy y đã lạm-dụng quyền-hành.

Bầu-cử định-kỳ ngoài tác-dụng bảo-vệ tự-do nó còn có tác dụng thực-hiện quyền tự-do. Những tư-tưởng chung sẽ tạo thành "dư-luận công chúng", dư-luận thể-hiện quan-niệm, mà quan-niệm của quần chúng có thể thay đổi; phe thiếu số hôm nay sẽ là đa số ngày mai. Vì lẽ đó họ phải có dịp để hành xử quyền hành, sự chuyển giao quyền-hành phải được thực-hiện theo ý-chí chung. Như vậy, các quyền tự-do của người dân mới được thể-hiện.

## B.- PHÂN QUYỀN VÀ PHÂN NHIỆM.

Trong phạm-vi chính-trị, nếu tất cả quyền-hành đều tập-trung vào một cơ-quan cai-trị sẽ làm cho cơ-quan này có một quyền-hành quá lớn có thể đe dọa quyền tự-do của dân-chúng. Quyền tự-do bị cướp đoạt, chủ-quyền sẽ không còn và chế-độ độc-tài sẽ nảy sinh. Vì vậy trong chế-độ dân-chủ người ta thấy có sự phân-quyền và phân-nhiệm giữa các cơ-quan; sự phân chia này có hai khía cạnh : khía-cạnh chính-trị và khía-cạnh kỹ-thuật.

Về khía-cạnh chính-trị sự phân-quyền và phân-nhiệm có tác-dụng làm yếu quyền-uy của người cai-trị để quyền tự-do của người dân khỏi bị đe dọa và tước đoạt làm phát sinh chế-độ độc-tài.

Trên phương-diện kỹ-thuật mục-dịch của sự phân-quyền và phân-nhiệm là phải đạt được một sự phân-phối hợp lý về trách vụ giữa những nhà cầm-quyền để giúp cho hoạt-động của cơ-quan công-quyền đạt được hiệu-năng tối đa.

Nhằm hai mục-tiêu trên, những quốc-gia dân-chủ thường áp-dụng một lối phân chia căn-cứ trên sự phân-biệt ba quyền-hành chính-yếu. Quyền Lập-pháp, quyền Hành-pháp và quyền Tư-pháp. Chủ-quyền đối với quốc-gia được ủy-nhiệm cho ba cơ-quan trên. Sự phân chia quyền hạn và nhiệm-vụ phải được tổ-chức để ba cơ-quan trên đều có thể kiểm-soát, ngăn chặn lẫn nhau để làm yếu quyền-uy của người cai-trị.

### C.- CÔNG NHÂN ĐỐI-LẬP.-

Một vấn-đề được đặt ra cho các quốc-gia dân-chủ là sự đưng chạm, giữa đa số và thiểu số. Dân-chủ có được hay không cũng tùy thuộc ở sự kiện thiểu số có được quyền nói lên tiếng nói của họ hay không ? Ở những nước dân-chủ tiên tiến người ta thấy quyền này được công-nhận và định-chế-hóa. Nói khác đi người ta công-nhận đối lập. Thế nào là đối lập ?

Trong quốc-gia dân-chủ ý-chí chung dù sao cũng chỉ thể-hiện ý-chí của đa số. Nhóm này được quyền thực-hiện quan-niệm, quyết-định của mình. Nhưng sự hiện-diện của nhóm thiểu số cũng không thể lãng quên. Nhóm này vẫn giữ lập trường và thành lập nhóm đối lập với đa số đang nắm quyền. Nhóm thiểu số cố gắng thuyết phục quần-chúng theo quan-niệm của mình, hạn-chế và kiểm-soát chính-quyền nếu thấy chính-quyền có những hành-vi đi ngược lại nguyện vọng dân-chúng và ủng-hộ chính-quyền nếu chính-quyền hành động phù-hợp với nguyện-vọng của người dân. Dù sao giữa hai nhóm cũng có sự bất-đồng chính-biến. Sự bất đồng này có tính cách chính-đảng và phải được chấp nhận vì không ai có thể phủ-nhận tính-cách tương-đối của chân-lý chính-trị trong chế-độ dân-chủ. Chấp nhận tính-cách tương-đối của chân-lý chính-trị, nhưng đối-lập cũng phải hội đủ ba đặc-điểm để có thể góp phần xây-dựng dân-chủ. Ba đặc-điểm đó là : "Một sự bất đồng về chính-trị, có tính cách tập-thể và phải hợp-pháp" (1).

- Đối lập phải do một sự bất-đồng về chính-trị :  
Hiện-tượng đối-lập chỉ có khi những người ở phe thiểu số

(1) Nguyễn-văn-Bông : Luật Hiến-Pháp và Chính-trị-Học trang 285.

tập hợp được những vấn-đề lên một mục-độ đại-cương và phán đoán theo một tiêu-chuẩn chính-trị. Nếu không thì không có đối-lập mà chỉ có sự khước từ hay phản đối.

- Đối lập phải có tính-cách tập-thể. Là một sự bất đồng về chính-kiến nhưng sự bất-đồng phải có tính-cách tập-thể. Trong bất kỳ quốc-gia nào cũng có những sự bất-đồng chính-kiến với chính-quyền, đó chỉ là những kẻ chống đối không có ích lợi gì cho nền dân-chủ. Đối lập chỉ có khi nào sự bất đồng chính-kiến có tính-cách tập-thể.

- Sau cùng đối-lập còn phải có tính-cách hợp-pháp nữa. Con người khi lập thành xã-hội đã chấp-nhận tuân theo một kỹ-luật để giúp xã-hội có thể tồn tại. Vì thế đối lập chỉ hoạt-động trong vòng pháp-luật. Nếu vì một lý-do gì mà một nhóm hoạt-động trong bóng tối, dùng võ-lực chống lại chính-quyền thì đó chỉ là những âm-mưu, phiến loạn chứ không phải là đối-lập.

Tóm lại, qua những điều trình bày ở trên chúng ta nhận thấy những quốc-gia dân-chủ thực-sự thường có cùng một triết-học chính-trị là chủ-nghĩa tự-do và có cùng những tập-tục dân-chủ. Như vậy, ta có thể tạm định nghĩa như sau :

"Dân-chủ là chế-độ mà trong đó người dân được tự-do hành-xử chủ-quyền của mình đối với các vấn-đề liên quan đến quốc-gia".

Hiểu như vậy chúng ta sẽ bớt khó khăn khi phải phân-biệt những chế-độ dân-chủ thực-sự và những chế-độ dân-chủ trá hình.

## CHƯƠNG HAI

LỊCH TRÌNH TIẾN-TRIỂN  
CỦA NỀN DÂN-CHỦ VIỆT-NAM

Có nhiều người thường tự-hào rằng xã-hội Việt-Nam đã có một truyền-thống dân-chủ từ lâu đời. Truyền-thống này được biểu-hiệu qua các sự-kiện thực-tế như :

- Một Hội-Nghị Diên-Hồng trong đó ý-kiến của dân đã tỏ ra có giá-trị đối với nhà cầm-quyền.

- Một nguyên tắc xã-thôn tự-trị đã làm căn-bản cho tổ-chức nền hành-chánh địa-phương ngày nay.

- Những sĩ-phu có đức-hạnh, uy-tín có thể phê-bình chỉ-trích những người trong chính-quyền.

Niềm tự-hào kia đã sai lầm; những sự việc trên đây sở dĩ xảy ra hoàn toàn dựa vào sự khôn khéo của chính quyền; để giải-quyết những vấn-đề khó-khăn trong đại ngoài tầm sức của những người cầm-quyền. Hội-nghị Diên-Hồng có được vì nếu không có sự ủng-hộ của dân-chúng. Vua quan với một số binh lính ít ỏi so với lực-lượng đối-phương khó lòng đem lại chiến thắng. Nguyên-tắc xã-thôn tự-trị được đặt ra phần lớn vì để giải-quyết khó khăn trong việc di-chuyển, lưu-thông trong xã-hội cổ thời Việt-Nam. Những sĩ-phu có thể phê-bình chỉ-trích người trong chính-quyền thường là những người có uy-tín to tát đối với dân-chúng mà sự đụng chạm đến những người này có thể làm mất lòng dân gây nguy hại cho sự bền vững của người cầm-quyền. Nếu những sự việc trên có vẻ trùng-hợp với truyền-thống dân-chủ thì đó chỉ là sự vô-tình. Vì với quan-niệm về dân-chủ

như đã trình-bày thì chế-độ cổ-thời không thể có tính cách dân-chủ. Dân-chủ chỉ có khi tự-do của người dân được tôn-trọng. Xã-hội Việt-Nam cổ-thời thiếu hẳn tính chất này, quyền sinh sát nằm trong tay nhà Vua thử hỏi làm sao tự-do của dân có thể được tôn-trọng.

Vì lẽ đó khi bàn đến chế-độ dân-chủ ở Việt-Nam, chúng ta chỉ có thể bắt đầu từ sau năm 1945, sau khi có được độc-lập, toàn dân đang sống trong những giờ phút đầy tự-do của lịch-sử.

### Đoạn I

#### SỰ THÀNH HÌNH CỦA NỀN DÂN-CHỦ VIỆT-NAM

Sau cuộc cách-mạng ngày 19-8-1945, Việt Minh đã lợi-dụng tình-trạng hoang mang và hỗn loạn của dân chúng để dành chính-quyền. Ngày 2-9-1945 Hồ-chí-Minh tuyên bố nền Độc-Lập Cộng-Hòa Dân-Chủ Việt-Nam và sau đó thành lập chính-phủ lâm-thời.

Sau khi Bảo-Đại thoái vị, chính-phủ lâm-thời Việt-Nam Dân-Chủ Cộng-Hòa ra tuyên cáo là chính-phủ hợp-pháp và không bỏ lỡ cơ-hội để làm tăng tính-cách quốc-gia của nó, Hồ-chí-Minh đã mời Bảo-Đại giữ chức Cố-Vấn "Tối-Cao". Sau đó dù gặp phải nhiều khó khăn do tình-trạng xã hội và do các đảng-phái quốc-gia gây ra; nhưng nhờ sự dẫn xếp khôn khéo Hồ-chí-Minh đã tổ-chức được một cuộc tổng tuyển-cử bầu Quốc-Hội để soạn-thảo một bản Hiến-Pháp làm nền tảng cho tân chế-độ. Ngày 8-9-1945 Hồ-chí-Minh đã ký sắc-lệnh số 14 nhằm tổ-chức cuộc tổng tuyển-cử vào ngày 23-12-1945. Nhưng về sau được dời lại vào ngày 6-1-1945 theo lời yêu cầu của các đảng-phái quốc-gia.

Nhờ bộ máy thông-tin và kỹ-thuật tuyên-truyền khéo léo, cuộc bầu-cử đã diễn ra trong bầu không-khí yên tĩnh và phấn-khởi. Theo con số của chính-phủ sự tham gia của quần-chúng lên đến 90% và một bản tổng-kết của người Mỹ cũng đã đề-cập đến sự ủng-hộ nhiệt-thành của quần-chúng đối với ứng-cử-viên Việt-Minh (1).

(1) Bernard Fall The Việt Minh Regime trang 9.



Theo kết-quả chính-thức thì thành-phần đặc-cử gồm các đại-diện của các chính-đảng như sau :

- Nhóm nghiên-cứu Mác-Xít : 10 ghế
- Việt-Minh : 82 ghế
- Đảng Dân-Chủ : 15 ghế
- Đảng Xã-Hội : 27 ghế

Ngày 2-3-1946 Quốc-Hội khai mạc phiên nhóm đầu tiên Hồ-chí-Minh giải tán chính-phủ lâm-thời và trao cho Quốc-Hội thành-lập một chính-phủ mới. Trong phiên nhóm này Quốc-Hội đã đề cử một "Tiểu-Ban soạn-thảo Hiến-Pháp" do Nguyễn-đình-Thị làm chủ-tịch.

Ngày 28-10-1946, Quốc-Hội tái nhóm, với thành phần 444 dân-biểu chỉ còn 291 hiện-diện. Trong phiên-hop này chỉ còn 37 dân-biểu đối-lập, còn 33 dân-biểu đối-lập khác đã bi bắt với sự đồng ý của "Ủy-Ban Thường-Trực Quốc-Hội" vì những tội thường phạm.

Mặc dù vậy Quốc-Hội vẫn nhóm họp và ngày 8-11-1946 khi chỉ còn hai dân-biểu đối-lập hiện-diện, bản dự-án Hiến-Pháp đã được mang biểu-quyết và được chấp-thuận với số phiếu chấp thuận là 240 trên số phiếu chống là 2 phiếu. Bản Hiến-Pháp đã được ban hành vào ngày 9-11-1946.

Bản Hiến-Pháp trên đây đã xác nhận các nguyên-tắc căn-bản của nền dân-chủ; với sự thành lập đầy đủ các cơ-quan Lập-Pháp, Hành-Pháp và Tư-Pháp; sự phân-quyền và phân-nhiệm giữa ba cơ-quan cũng được qui định rõ-ràng. Tuy nhiên bản Hiến-Pháp ban hành ngày 9-11-1946 này chỉ là văn-kiện có tính cách lịch-sử vì chế-độ đã không tôn trọng các nguyên-tắc ghi trong bản Hiến-Pháp Quốc-Hội thì chỉ nhóm họp thêm hai khóa nữa vào mùa thu năm 1946 và tháng 12 năm 1953 nhóm họp thêm một lần nữa rồi chấm dứt luôn. Trong suốt thời gian kháng-chiến quyền-hành Quốc-Hội hoàn-toàn nằm trong tay một "Ủy-Ban Thường-Trực" mà thành-phần hầu hết là đảng-viên đảng Cộng-Sản. Vì vậy Quốc-Hội đã mất hết tính cách đại-diện nhân-dân.

Trong khi đó tại miền Nam từ năm 1949 đến năm 1954 đã có chính-phủ liên-tiếp nắm chính-quyền (1).

- Chính-Phủ Bảo-Đại (02-07-1949)
- Chính-Phủ Nguyễn-Phan-Long (18-01-1950)
- Chính-Phủ Trần-văn-Hữu (06-05-1950)
- Chính-Phủ Trần-văn-Hữu II (20-02-1951)
- Chính-Phủ Trần-văn-Hữu III (08-03-1952)
- Chính-Phủ Nguyễn-văn-Tâm (15-05-1952)
- Chính-Phủ Nguyễn-văn-Tâm II (01-01-1953)
- Chính-Phủ Bữu-Lộc (12-01-1954)
- Chính-Phủ Ngô-đình-Diệm (07-07-1954)

Trên thực-tế các chính-phủ này chỉ là một chiêu-bại cho cuộc chiến-tranh của người Pháp để phục-vu cho chính-sách thực-dân đế-quốc. Mãi đến năm 1953 trước cuộc kháng chiến có chính-nghĩa và sự đòi hỏi của dư-luận, người Pháp mở lại các cuộc thương-thuyết với chính-quyền Bảo-Đại để kiện toàn nền độc-lập cho Việt-Nam. Nhưng việc điều đình chưa ngã ngũ thì Hiệp-Định Genève ra đời chia đôi đất nước: Miền Bắc theo chủ-nghĩa Công-Sản, miền Nam theo chủ-nghĩa tự-do do chính-phủ Ngô-đình-Diệm lãnh-đạo.

## Đoạn II

### ĐỀ NHẤT CỘNG HÒA

Hiệp-định Genève được ký kết chia đôi đất nước, Thủ-Tướng Ngô-đình-Diệm một mặt phải lo tái-lập an-ninh, trật-tự và củng cố quyền-hành; một mặt phải lo định-cư gần một triệu đồng bào Bắc-Việt di-cư. Trong những ngày đầu tiên chính-phủ của ông đã gặp phải nhiều thử-thách trong vấn đề giáo-phái và sự bất mãn của một số tướng-lãnh trong quân-đội.

Lực-lượng Bình-Xuyôn nắm giữ ngành Công-An Cảnh-Sát. Giáo-phái Cao-Đại với một lực-lượng quân-sự khoảng 20.000 binh-sĩ chiếm các tỉnh miền Đông Nam-Phần; và giáo-phái Hòa-Hảo với khoảng 30.000 quân chiếm các tỉnh miền Tây Nam-Phần. Các lực lượng này đã không chịu xấp-

(1) Nguyễn-văn-Bông Luật Hiến-Pháp và Chính-trị-Học trang 559

nhập vào quân-đội quốc-gia theo điều-khiên của Thủ-Tướng đề ra. Trong khi đó tướng Nguyễn-văn-Hình, Tổng-Tham-Mưu-Trưởng Quân-Đội Quốc-Gia lên án ông Diệm là tay sai của Mỹ, độc tài và thiếu khả-năng đoàn-kết các lực-lượng quốc gia chống cộng. Tướng Hình đe dọa sẽ đảo-chánh. Thủ-Tướng Ngô-dình-Diệm đã cương quyết cắt chức ông này và buộc phải sang Pháp. Ngày 20-3-1955 ba lực lượng Cao-Dài, Hòa-Hảo và Bình-Xuyên thành lập "Mặt trận Thống-Nhất Toàn-Lực Quốc-Gia" yêu cầu ông Diệm cải tổ chính-phủ nhưng không được chấp-thuận. Bất mãn vì thái-độ cứng rắn của ông Diệm, mặt trận cử người sang Pháp để yêu cầu Quốc-Trưởng Bảo-Đại thu-hồi quyền-hành đã ủy-thác cho ông Diệm. Đêm 29-3-1955 lực lượng Bình-Xuyên đã nổ súng tấn công dinh Độc-Lập. Ngày 28-4-1955 lực-lượng Bình-Xuyên đã bị đơn-vị nhảy dù do Đại-Tá Đỗ-cao-Trí chỉ-huy tấn công và đánh bật lực-lượng này ra khỏi Saigon-Chợ-lớn. Sau đó các lực-lượng của các giáo-phái cũng bị đánh dẹp và chính-phủ Ngô-dình-Diệm hoàn toàn làm chủ được tình-thế.

Trong khi quân-đội Bình-Xuyên gây rối loạn thì từ Pháp, Bảo-Đại gởi điện-văn về Saigon tước hết quyền-hành của Thủ-Tướng Ngô-dình-Diệm và gọi ông sang Pháp để hòa giải. Nhưng sau khi dẹp yên lực lượng Bình-Xuyên và lực-lượng của các giáo-phái; Thủ-Tướng Diệm đã tổ-chức một cuộc trưng cầu dân-ý vào ngày 23-10-1955 truất-phế Bảo-Đại và tín-nhiệm Thủ-Tướng trong chức-vụ Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa. Sau đó để soạn thảo một bản Hiến-Pháp làm nền tảng cho chế-độ, một Quốc-Hội Lập-Hiến với 123 ghế được bầu vào ngày 4-3-1956. Quốc-Hội nhóm phiên đầu tiên vào ngày 15-3-1956.

Ngày 2-7-1956 bản dự-án Hiến-Pháp được Quốc-Hội biểu-quyết chấp-thuận và chuyển sang Tổng-Thống. Ông đã yêu cầu phúc-nghị một số điều-khoản và hầu hết các đề-nghị tu-chính của Tổng-Thống đã được Quốc-Hội thông qua. Ngày 26-10-1956 bản Hiến-Pháp đã được ban hành.

Bản Hiến-Pháp 1956 đã đặt Việt-Nam Cộng-Hòa dưới chế-độ Tổng-Thống, với một Tổng-Thống có quyền-hành rất

lớn và có nhiệm-kỳ là năm năm. Quốc-Hội được bầu theo lối phổ-thông và có nhiệm-kỳ là bốn năm. Ngoài ra, Hiến-Pháp còn thiết-lập những định-chế khác như : tổ-chức Tư-Pháp, Viên Bảo-Hiến, Hội-Đồng Kinh-Tế Quốc-Gia và Đặc-Biệt Pháp-Viện. Hiến-Pháp này không đề cập đến nguyên-tắc phân quyền mà chỉ nhấn mạnh đến tính cách phân-nhiệm. Vai trò của Hành-Pháp được đặc-biệt ghi nhận : "Tổng-Thống lãnh-đạo quốc-dân". Ngoài những quyền hạn trong lãnh-vực đối ngoại và những quyền-thuộc chức-vụ Quốc-Trưởng. Tổng-Thống còn có được một quyền-hành rất lớn trong những lãnh vực Hành-Pháp và Lập-Pháp.

Tổng-Thống là Tổng Tư-Lệnh tối-cao của quân-đội, bổ-nhiệm các Bộ-Trưởng, Thủ-Tướng; bổ-nhiệm và cách chức tất cả công-chức, quân-nhân theo thể-thức luật-định. Tổng-Thống có quyền ký sắc-lệnh tuyên bố tình-trạng khẩn cấp, báo động hay giới-nghiêm trong một hay nhiều vùng, các sắc-lệnh này có thể đình-chỉ sự áp-dụng một hay nhiều đạo luật tại những vùng đó (1).

Về phương-diện Lập-Pháp, Tổng-Thống có quyền ban hành các sắc-luật trong thời-gian giữa hai khóa họp Quốc-Hội (2). Hay trong tình trạng khẩn cấp, nội loạn, khủng hoảng kinh-tế hay tài-chánh, Quốc-Hội có thể biểu-cuyết một đạo-luật ủy-cuyền cho Tổng-Thống ký sắc-luật để thực-hiện chính-sách mà Quốc-Hội ấn-định trong đạo-luật ủy-cuyền (3).

Sau cùng Tổng-Thống cũng có quyền yêu cầu Quốc-Hội phúc-nghị những đạo-luật đã được Quốc-Hội biểu-cuyết, trong trường-hợp này Quốc-Hội phải chung quyết bằng một cuộc minh danh đầu-phiếu với đa số 3/4 tổng số dân biểu (điều 58).

(1) Hiến-Pháp ban hành ngày 26-10-1956 điều 44

(2) Hiến-Pháp đã dẫn điều 41

(3) Hiến-Pháp đã dẫn điều 42

Với một quyền-hành rộng lớn trong tay, Tổng-Thống Ngô-dình-Diệm đã đi dần vào con đường độc-tài. Càng ngày địa-vị của ông càng được củng-cố vững chắc dù đã xảy ra hai cuộc đảo-chánh nhỏ. Cuộc đảo-chánh lần thứ nhất xảy ra vào ngày 11-11-1960 nhưng đã bị dẹp tan vì đa số quân đội vẫn còn trung-thành với Tổng-Thống. Đầu năm 1961 ông được ứng-cử một lần nữa và đắc cử ngày 9-4-1961). Mười tháng sau ngày 27-2-1962 hai phi-cơ đã bắn phá dinh Độc-Lập nhưng đó chỉ do vài phi-công bất mãn gây ra.

Địa-vị càng vững chắc, Tổng-Thống Ngô-dình-Diệm càng thẳng tay tiêu-diệt đối-lập; thành-lập đảng Cần-Lao và Phong-Trào ủng-hộ chính-quyền để làm-hậu-thuần chính-trị. Tệ hơn nữa vì ảnh-hưởng gia-đình ông còn gây ra nạn kỳ-thị tôn-giáo trong cách đối-xử. Ông đàn áp Phật-Giáo làm cho tôn-giáo này phải đứng lên phát-động cuộc tranh đấu giành quyền tự-do tín ngưỡng. Cuộc tranh-đấu đã lan rộng và được dư-luận chú ý. Trong lúc đó sự nhúng tay của người Mỹ đã đưa đến cuộc đảo-chánh vào ngày 1-11-1963 làm sụp đổ nền Đệ-Nhất Cộng-Hòa.

### Đoạn III

#### CHÍNH-QUYỀN QUÂN-NHÂN Ở GIAI-ĐOẠN CHUYỂN-TIẾP

Trung-Tướng Dương-van-Minh đã lãnh-đạo quân-đội thực-hiện cuộc đảo-chánh ngày 1-11-1963. Cuộc cách-mạng thành-công; Tổng-Thống Ngô-dình-Diệm và ông Ngô-dình-Nhu bị bắt và bị giết. Hội-Đông Quân-Nhân Cách-Mạng đã ngưng áp dụng Hiến-Pháp ngày 26-10-1956, giải-tán Quốc-Hội ban hành Hiến-Uớc Tam-Thời số 1. Theo Hiến-Uớc này Hội-Đông Quân-Nhân Cách-Mạng sẽ nắm giữ hai quyền Lập-Pháp và Hành-Pháp. Một Hội-Đông Nhân-Sĩ có tính-cách tư-vấn nhằm giúp chính-phủ lâm-thời thực-hiện đường lối cách-mạng phù-hợp với nguyện-vọng toàn dân được thiết lập do Sắc-lệnh số 2 ban-hành ngày 6-11-1963.

Ngày 30-1-1964, Trung-Tướng Nguyễn-Khánh, Tư-Lệnh Vùng I Chiến-Thuật đã làm một cuộc chỉnh-lý. Sau

**THƯ-VIỆN QUỐC-GIA**

đó tướng Nguyễn-Khánh được bầu làm chủ-tịch Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng và ông đã cho ban hành sắc-lệnh số II5-SL/CT giải tán Hội-Đồng Nhân-Sĩ và đồng thời dự-liệu triệu-tập một Quốc-Hội Dân-Cử để soạn-thảo Hiến-Pháp làm căn-bản cho thể-chế dân-chủ tương lai.

Trong lúc dự-liệu triệu-tập Quốc-Hội chưa được thực-hiện thì ngày 16-8-1964 Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng nhóm họp tại Vũng-Tàu, bầu tướng Nguyễn-Khánh làm chủ-tịch Việt-Nam Cộng-Hòa, ban hành một hiến-chương mới nhằm dự-định thiết lập một chế-độ độc-tài quân-phiệt, trao cho Chủ-Tịch Việt-Nam Cộng-Hòa một quyền hạn rộng lớn và hạn chế các quyền công-dân. Âm-mưu độc-tài bị dân chúng phản đối mãnh liệt và Nguyễn-Khánh đã phải thu-hồi bản Hiến-Chương Vũng-Tàu.

Tuy thu-hồi bản Hiến-Chương nhưng Nguyễn-Khánh vẫn nuôi tham vọng nắm trọn quyền hành quốc-gia, nên ngày 13-9-1964 đã có một cuộc chính-biến do Tướng Lâm-văn-Phát cầm đầu với mục-dịch lật đổ chính-phủ Nguyễn-Khánh nhưng thất bại. Thấy âm mưu không thể thực-hiện được; Nguyễn-Khánh đành phải triệu-tập một Thượng Hội-Đồng Quốc-Gia gồm có 17 hội-viên thành-phần là các nhân-sĩ, chính-trì gia để soạn thảo một bản Hiến-Chương lâm-thời. Không đầy một tháng sau bản Hiến-Chương được công bố, thiết-lập một chế-độ Đại-Nghị theo đó có Quốc-Trưởng đứng đầu quốc gia, Thủ-Tướng điều-khiển Nội-Các. Ngoài ra, Quốc-Dân Đại-Hội còn có quyền khiển-trách và bất tín-nhiệm chính-phủ.

Ông Phan-khắc-Sửu đã được chọn làm Quốc-Trưởng, ông Trần-văn-Hương làm Thủ-Tướng thành-lập Nội-Các; sau đó là Thủ-Tướng Phan-huy-Quát. Trong thời-gian này đã có những cuộc biến động liên tiếp; Phật-Giáo, Công-Giáo biểu tình liên miên rồi Đại-Tá Phạm-ngọc-Thảo đã cầm đầu một cuộc đảo-chính nhưng thất bại. Sau cùng giữa Quốc-Trưởng và Thủ-Tướng bất đồng ý-kiến về việc bổ-nhiệm hai Tổng-Trưởng Nội-Vụ và Kinh-Tế, rồi chính-phủ quyết-định trao lại cho quân-đội lãnh-đạo quốc-gia.

THƯ VIỆN KHOA HỌC TỔNG HỢP

LVHC

1146

Quân-Đội trở lại nắm chính-cuyền, quyết-định thành lập một Ủy-Ban Lãnh-Đạo Quốc-Gia do Trung-Tướng Nguyễn-van-Thiệu làm Chủ-Tịch vàuyền Hành-Pháp giao cho Ủy-Ban Hành-Pháp Trung-Ương đặt dưới sự điều-khiển của Thiếu-Tướng Nguyễn-cao-Kỳ.

Tình-hình đang tạm lạng diu bỗng trở nên xáo-trộn do việc cất chức Tướng Nguyễn-chánh-Thị, Tư-Lệnh vùng I Chiến-Thuật. Tại Huế và Đà-Nẵng đã có những cuộc biểu-tình bạo-động nhằm đòi phục-chức cho Tướng Thị lúc ban đầu. Nhưng sau đó lại chuyển mục-đích sang đòi thực thi dân-chủ. Cuối cùng Ủy-Ban Lãnh-Đạo Quốc-Gia đã nhượng bộ và cho tổ chức lại cuộc bầu cử Quốc-Hội Lập-Hiến vào ngày 11-9-1966. Ngày 1-4-1967 bản Hiến-Pháp đã được ban hành khai sinh nền Đệ-Nhi Cộng-Hòa.

#### Đoạn IV

#### HIẾN-PHÁP NGÀY 1.4.1967 VÀ NỀN ĐỆ NHI CỘNG-HÒA

Bản Hiến-Pháp ngày 1-4-1967 đã xây-dựng cho Việt-Nam một chế-độ Dân-Chủ tương-đối rộng rãi lý-tưởng. Vì bị hình bóng của chế độ độc tài dưới thời cố Tổng-Thống Ngô-dình-Diệm ám ảnh, nên các nhà lập-hiến đã cố gắng tranh những điểm có thể giúp nhà cầm-cuyền Hành-Pháp có thể lợi dụng để tạo dựng một chế-độ độc-tài.

Nguyên tắc phân-quyền đã được nêu cao. Quyền Hành-Pháp đã không có được quyền hành của lớn lao như dưới thời Đệ-Nhất Cộng-Hòa, Quốc-Hội đã có những quyền-hành rộng rãi hơn. Ngành Tư-Pháp đã được độc-lập, ủy-nhiệm cho Tối-Cao Pháp-Viện gồm từ 9 đến 15 Thẩm-Phán; có ngân-sách tự-trị và quyền lập-qui để quản-trị ngành Tư-Pháp. Tối-Cao Pháp-Viện có thẩm quyền giải-thích Hiến-Pháp, phán quyết về tính-cách hợp-hiến, hợp-pháp của các đạo-luật, sắc-luật và các văn-kiện lập-qui khác. Hiến-Pháp cũng dự-liệu thành-lập một Hội-Đồng Thẩm-Phán có nhiệm-vụ điều-hành ngành Thẩm-Phán Xử-Án và làm cố-vấn cho Tối-Cao Pháp-Viện về các vấn-đề liên-quan đến ngành tư-pháp.

Tổng-Thống bổ-nhiệm Thủ-Tướng và các nhân-viên chính-phủ. Tổng-Thống có thể ký sắc-luật tuyên bố tình-trạng báo-động, giới nghiêm hay khẩn trương trên một phần hay toàn lãnh thổ (1).

Cơ-quan Lập-Pháp ngoài những quyền hạn thông-thường còn có nhiều quyền đặc-biệt như chất-vấn và khuyến cáo chính-phủ. Việt-Nam Cộng-Hòa đã có được một chế-độ phòng theo Tổng-Thống-Chế nhưng lại tôn trọng nguyên-tắc phân-quyền.

Ngày 3-9-1967 cuộc bầu cử Tổng-Thống và Thượng-Nghị-Viện được tổ-chức. Trong nhiệm-kỳ đầu tiên của nền Đệ-Nhi Cộng-Hòa hai ông Nguyễn-văn-Thiệu và Nguyễn-cao-Kỷ đã đắc-cử ở chức vụ Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống dù với một tỉ-số phiếu hơi thấp. Ngày 22-10-1967 Hạ-Nghị-Viện với thành-phần 135 Dân-Biểu cũng đã được bầu.

Nền Đệ-Nhi Cộng-Hòa đã được thiết-lập và chính thức chào đời, đến nay đã được năm năm. Trước hiện-tình đất nước thể-chế đặc-biệt này có góp phần hữu-ích vào công-cuộc xây-dựng dân-chủ hay không? Thời-gian năm năm tuy ngắn ngủi nhưng cũng tạm đủ để chúng ta có thể có được một nhận xét về thực chất của nền Dân-Chủ nền Đệ-Nhi Cộng-Hòa.

---

(1) Hiến-Pháp 1-4-1967 điều 64.



## CHƯƠNG BA

# THỰC CHẤT CỦA NỀN DÂN-CHỦ TẠI VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Ý-thức được tính-cách thiết-yếu của nhu-cầu dân-chủ; người dân Việt-Nam đã cố gắng góp phần vào công cuộc xây dựng một chế-độ dân-chủ thực-sự. Họ đã bày tỏ được quyết tâm đó qua việc tham dự gián tiếp vào công việc xây-dựng một căn-bản pháp-lý cho chế-độ. Nhưng một chế-độ dân-chủ tốt đẹp không phải chỉ đòi hỏi những căn-bản pháp-lý vững chắc là đủ; một điều kiện không kém quan trọng khác để có được chế-độ dân-chủ thực sự là thái-độ của người đại-diện và của dân-chúng trong việc thi-hành dân-chủ.

Như vậy, để có thể tìm hiểu về thực chất của nền dân-chủ tại Việt-Nam Cộng-Hòa chúng tôi xin được nhận-xét vấn-đề qua ba khía cạnh :

- 1) Sự vững chắc của căn bản pháp-lý
- 2) Thái-độ của chính-quyền đối với quyền tự-do của người dân.
- 3) Thái-độ của dân-chúng đối với các quyền tự-do.

### Đoạn 1

#### NỀN TẢNG PHÁP-LÝ CỦA CHẾ-ĐỘ

Ở đây chúng tôi chỉ xin đề-cập đến hai bản Hiến-Pháp ban hành vào ngày 26-10-1956 và bản thứ hai ban hành vào ngày 1-4-1967. Chúng tôi không đề cập đến các văn-kiện có tính cách lâm thời trong giai-đoạn từ 1963 đến năm 1967, vì trong giai-đoạn này các văn-kiện đó chỉ thể hiện ý-kiến của một thiểu số nắm chính-quyền. Tính-cách dân chủ của các văn-kiện này nếu có chỉ là những nỗ-lực trình-diễn. Đây chỉ là một sự kiện có tính cách

thực-tế vì trong một giai-đoạn hỗn loạn, sợ người Cộng-Sản có thể lợi dụng; chúng ta không có thì giờ để xây dựng dân-chủ bằng những phương-cách chính-đáng :

A.- HIẾN-PHÁP NGÀY 26-10-1956 VÀ TÍNH CÁCH DÂN-CHỦ CỦA NÓ.

Điều hai của bản Hiến-Pháp năm 1956 đã thể-hiện được lòng yêu chuộng dân-chủ của người dân Việt-Nam khi qui-định.

- Chủ-uyền Quốc-Gia thuộc về toàn dân.

Bản Hiến-Pháp này cũng đã tỏ ra tôn trọng các quyền tự-do của người dân qua nội-dung các điều được qui-định ở thiên thứ hai.

Tôn trọng các nguyên-lý dân-chủ; nhưng vì có những điều khoản mơ-hồ, rộng rãi bản Hiến-Pháp đã không góp phần thích-ứng trong việc ngăn chặn một chế-độ độc-tài xuất-hiện.

Muốn tạo-lập một chế-độ dân-chủ nhưng Hiến-Pháp ngày 26-10-1956 lại dành quá nhiều ưu-quyền cho Tổng-Thống người lãnh-đạo Hành-Pháp như :

- Tổng-Thống lãnh-đạo quốc-dân (điều 3).

- Giữa hai khóa họp Quốc-Hội, Tổng-Thống vì lý-do khẩn-cấp có thể ký sắc-luật (điều 41).

- Trong tình-trạng khẩn-cấp hay chiến-tranh nội-loạn, khủng hoảng kinh-tế hoặc tài-chánh, Quốc-Hội có thể biểu-quyết một đạo-luật ủy cho Tổng-Thống trong một thời-gian với những hạn-định rõ quyền ký sắc-luật để thực-hiện chính-sách mà Quốc-Hội ấn-định trong đạo-luật ủy-quyền (điều 42).

- Tổng-Thống có thể ký sắc-lệnh tuyên-bố tình-trạng khẩn cấp, báo-động hay giới-nghiêm trong một hay nhiều vùng; các sắc-lệnh này có thể tạm đình-chỉ sự áp dụng một hay nhiều đạo-luật tại vùng đó.

- Trong thời-hạn ban-hành đạo-luật, Tổng-Thống có thể yêu-cầu Quốc-Hội phúc-nghị một hay nhiều khoản của đạo-luật, nếu Quốc-Hội không đồng ý sửa đổi theo Thông-Điệp Tổng-Thống thì sẽ chung-cuyết với đa số 3/4 tổng số dân-biểu (điều 58).

- Ngoài ra, Hiến-Pháp 1956 còn cho phép Tổng-Thống được định-chỉ sự sử-dụng nhiều quyền tự-do của dân-chúng trong nhiệm-kỳ lập-pháp đầu tiên (điều 98).

- Đặc-biệt hơn cả là bản Hiến-Pháp này đã không hề đề cập đến sự phân-quyền giữa ba cơ-quan Lập-Pháp Hành-Pháp và Tư-Pháp.

Với ý muốn xây dựng một chế-độ dân-chủ, nhưng vì vướng phải nhiều khuyết-điểm sai lạc trong việc qui-định thể-thức điều-hành nền dân-chủ, Hiến-Pháp ban hành ngày 26-10-1956 đã không đủ vững chắc để ngăn cản một sự độc-tài cá-nhân trong thực-tế. Với những ưu-cuốn trong hai lãnh-vực Hành-Pháp và Lập-Pháp, Tổng-Thống Ngô-đình-Diệm đã có thể áp-dụng một chế-độ độc-tài mà không cần vượt qua Hiến-Pháp.

#### B.- HIẾN-PHÁP NGÀY 1-4-1967.-

Với mặc-cảm e-sợ độc-tài tái-diễn, nhà Lập-Hiến 1967 đã cố-gắng giảm bớt quyền-hành của Tổng-Thống và tăng gia quyền-hành Quốc-Hội.

- Nhà Lập-Hiến đặt thiên nói về Hành-Pháp sau thiên nói về Quốc-Hội. Việc này nhằm vào yếu-tố tâm-lý làm giảm bớt uy-thế Hành-Pháp và tăng uy-thế cơ-quan lập-pháp hơn là nhằm vào yếu-tố pháp-lý.

- Hiến-Pháp ghi nhận Tổng-Thống là người được quốc-dân ủy-nhiệm quyền Hành-Pháp mà không có điều nào qui-định "Tổng-Thống lãnh-đạo quốc-dân".

- Quyền-hành của Tổng-Thống được phân-chia bớt cho Thủ-Tướng (điều 67).

- Nguyên-tắc địa-phương phân-quyền được công-nhận. Tỉnh-Trưởng, Thị-Trưởng, Đô-Trưởng sẽ được dân bầu theo lối phổ-thông trực-tiếp và kín (điều 70-71).

- Đối với quyền phúc-nghị tỉ-số Hiến-Pháp 1967 qui-định là quá bán dân-biểu và nghị-sĩ (điều 45 khoản 2) so với Hiến-Pháp 1956 là 3/4.

- Về thẩm-quyền Quốc-Hội chúng ta nhận thấy so với Hiến-Pháp 1956 Quốc-Hội đã có ưu-quyền.

- Quốc-Hội có quyền khuyến-cáo, biểu-cuyết bất tín-nhiệm chính-phủ (điều 42).

- Kiểm-soát chính-phủ trong việc thi-hành chính-sách quốc-gia (điều 39 khoản 5).

- Quyền Tư-Pháp được độc-lập và được ủy-nhiệm cho Tối-Cao Pháp-Viện. Tối-Cao Pháp-Viện gồm từ chín đến mười lăm thẩm-phán, do Quốc-Hội tuyển chọn theo một danh-sách ba mươi người do Thẩm-Phán đoàn, Công-Tố đoàn và Luật-Sư đoàn bầu lên (điều 78 và 80).

- Ngoài việc công-nhận và thực-thi việc phân-quyền giữa các cơ-quan; Hiến-Pháp 1-4-1967 còn công nhận và triet để tôn-trọng đối-lập và các quyền tự-do của dân-chúng.

Tóm lại Hiến-Pháp ngày 1-4-1967 đã thiết-lập một chính-thể Tổng-Thống biến-hình với bốn quyền Lập-Pháp, Hành-Pháp, Tư-Pháp và Giám-Sát. Để có thể có một chế-độ dân-chủ thực sự văn-kiến này đã công-nhận và cố gắng thực hiện việc phân-quyền, cần thận hơn các nhà Lập-Hiến đã cố gắng hạn chế quyền-hành của Tổng-Thống và tăng cường quyền hành Quốc-Hội. So với Hiến-Pháp 1956 bản Hiến-Pháp mới này đã thể-hiện được ý-chí quyết-tâm thực-hiện chế-độ dân-chủ của toàn dân hơn. Tuy nhiên với lối hành văn mơ hồ của điều 45 khoản 2 cùng một vài điều khác đã có tính-cách bất xứng gây khó khăn cho sự thi-hành dân-chủ sau này.

Điều 45 khoản 2 đã giúp cho Tổng-Thống có thể làm luật với một thiểu-số dân-biểu và Nghị-Sĩ. Điều-khoản này qui-định :

"Trong thời-hạn ban hành, Tổng-Thống có quyền gửi Thông-Điện việ̄n dân lý-do yêu cầu Quốc-Hội phúc-nghị một hay nhiều điều-khoản của dự-luật.

Trong trường-hợp này, Quốc-Hội sẽ họp khoáng đại lưỡng-việ̄n để chung-quyết dự-luật với đa số của bán tổng số dân-biểu và nghị-sĩ. Nếu Quốc-Hội chung quyết bác bỏ lời yêu cầu phúc-nghị của Tổng-Thống, dự-luật đương nhiên thành luật và được chuyển sang Tổng-Thống để ban hành.

Điều 45 khoản 2 không dự-trừ trường-hợp không đủ đa số để bác bỏ hay tán thành bản đề-nghị của Tổng-Thống thì vấn-đề được giải-quyết ra sao ?

Nhân trường-hợp xin phúc-nghị dự-luật Tổng-Động-Việ̄n và Quốc-Hội không hội đủ đa số của bán Hành-Pháp đã giải-thích : nếu không đủ đa số để bác bỏ hoặc tán-thành thì quan-điểm của Tổng-Thống thắng nghĩa là điều khoản phúc-nghị của Tổng-Thống trở thành luật. Kết-quả của sự mơ hồ, thiếu sót trên đây là quyền lập-pháp đã lọt vào tay Tổng-Thống.

Trong trường-hợp luật Tổng-Động-Việ̄n, giáo-sư Nguyễn-ngọc-Huy đã phê-bình : "Mặc-dù không hội đủ đa-số quá bán tổng số Dân-Biểu và Nghị-Sĩ, Quốc-Hội đã có được một đa số tương tối quan-trọng để bác bỏ quan-điểm của Tổng-Thống. Vậy mà Tổng-Thống vẫn có quyền ban-hành luật Tổng-Động-Việ̄n với một số điều-khoản được sửa đổi theo quan-điểm của mình".

Riêng về tính-cách độc-lập của ngành Tư-Pháp, tuy đã được công-nhận ở điều 76 Hiến-Pháp 1-4-1967 nhưng trên thực-tế cơ-quan thụ-ủy quyền này thiếu tính-cách độc-lập thực-sự.

Theo điều 80 qui-định Thẩm-Phán Tối-Cao Pháp-Viện gồm từ 9 đến 15 thẩm-phán được Quốc-Hội tuyển chọn và Tổng-Thống bổ-nhiệm theo một danh sách ba mươi người do Thẩm-Phán-Đoàn, Công-Tố-Đoàn và Luật-Sư-Đoàn bầu lên.

Lẽ lối tuyển-chọn trên đây tuy có những ưu-điểm như tạo cho quyền Tư-Pháp một căn-bản nhân-dân qua sự ủy-quyền gián-tiếp, làm tăng uy-tín của những người đắc-cử thì ngược lại cũng có khuyết-điểm là làm Tối-Cao Pháp-Viện mất tính-chất độc-lập thật sự. Thật vậy, quyền tuyển chọn của Quốc-Hội đã làm các Thẩm-Phán đắc cử phải lệ-thuộc vào cử-tri đã bầu mình và sẽ bầu mình. Sự lệ thuộc đó làm cho các thẩm-phán e-dè thiếu uy-tín và uy-thế để có thể giữ được tính-cách độc-lập của quyền Tư-Pháp.

Hơn nữa, với một nhiệm-kỳ ngắn ngủi là sáu năm; những người hành-xử quyền Tư-Pháp đã gặp phải những trở ngại có tính cách thực-tế sau khi mãn nhiệm-kỳ và không còn giữ chức-vụ điều-khiển ngành Tư-Pháp như :

- Nếu là thẩm-phán, họ trở về với các chức-vụ ở các tòa-án và lại phải chịu dưới quyền các thẩm-phán mà những năm qua họ đã từng quản-trị.

- Nếu là luật-sư họ phải kính trọng những thẩm-phán nhiều khi có cấp-bậc nhỏ lúc hành nghề.

Với những khó-khăn nan giải trên đây, họ khó có thể hành-xử được quyền-hành một cách hữu-hiệu và đứng đắn.

Tóm lại với những khuyết-điểm vừa nêu trên Hiến-Pháp ngày 1-4-1967 chưa phải là một căn-bản vững chắc lý tưởng cho chế-độ dân-chủ. Nhưng dù sao bản Hiến-Pháp này cũng đã chứng tỏ được lòng yêu chuộng tự-do và quyết-tâm thực-hiện một chế-độ dân-chủ của người dân Việt-Nam qua những cố gắng của họ nhằm hạn-chế, ngăn ngừa sự xuất-hiện của một chế-độ độc-tài.

## THÁI-ĐỘ CỦA CHÍNH-QUYỀN TRONG VIỆC THI-HÀNH DÂN-CHỦ

Ngày nay không ai dám quả quyết là có chế-độ độc-tài nào trên thế-giới phát-sinh tự ý của người dân. Những chế-độ độc-tài hiện nay phải dựa trên sức mạnh hay do sự lợi dụng những điểm thiếu sót của bản Hiến-Pháp để thành hình. Mà thật sự ra khó ai có thể tạo-lập được một bản Hiến-Pháp với toàn ưu-điểm để có thể làm lợi hoàn-toàn cho việc thực-hiện chế-độ dân-chủ ngay cả ở những nước tiên-tiến cũng vậy !

Vì lẽ đó thực chất của một chế-độ được xây-dựng trên một căn-bản pháp-lý cũng còn tùy-thuộc phần lớn ở thái-độ của những người được ủy-nhiệm trong việc thực-hiện các nguyên-tắc, tập-tục dân-chủ. Với những phương-tiện lớn lao để có thể hành xử quyền-hành được ủy-thác họ có thể làm sai lạc những nguyên-tắc, tập-tục này khi thực-hiện. Vì vậy, khi nhận xét về thực-chất của một chế-độ dân-chủ; chúng ta không thể quên phần nhận-xét và thái-độ của chính-quyền.

### A.- THÁI-ĐỘ CỦA CHÍNH-QUYỀN DƯỚI THỜI ĐỀ-NHẤT CÔNG-HÒA.-

\* Đối với các quyền tự-do của người dân :

- Những quyền tự-do đã được qui-định trong Hiến-Pháp 1956 đã không được áp-dụng hoặc áp-dụng một cách thiếu đúng đắn. Trong điều 98 của Hiến-Pháp 1956 đã cho phép Tổng-Thống có quyền tạm-ngưng thi-hành những quyền tự-do đi lại và cư ngụ, tự-do ngôn-luận và báo-chí, tự-do hội-hợp và lập hội, tự-do nghiệp-đoàn và đình-công trong nhiệm-kỳ lập-pháp đầu tiên để thỏa mãn những đòi hỏi của an-toàn chung, trật-tự công cộng và Quốc-Phòng.

Từ năm 1959 khi Công-Sản bắt đầu phát động cuộc chiến-tranh ở miền Nam, Tổng-Thống Ngô-đình-Diệm đã ký sắc-lệnh ban-hành tình-trạng khẩn cấp. Sau đó đạo-luật số 10/59 được ban hành nhằm trừng phạt những kẻ phá hoại, xâm phạm an-ninh Quốc-Gia, tài-sản, sinh mạng của đồng bào và thiết-lập Tòa-Án Quân-Sự Đặc-Biệt để xử tử hình hay chung

thân khổ-sai và tịch-thu gia-sản của những người phạm tội. Sắc-luật này đã trở thành một phương-tiện để chính-quyền xử các phần-tử Quốc-Gia đối-lập bằng cách ghép vào tội phá hoại. Đến năm 1962 chính-quyền còn đi xa hơn khi ban hành sắc-luật vào ngày 21-5-1962 nhằm thiết-lập một Tòa-Án Quân-Sự Mặt-Trần tại mỗi vùng chiến-thuật với một thẩm-quyền rộng rãi là phán-quyết của Tòa-Án này có tính cách chung thẩm; những quyền tự-do của người dân đã bị đe dọa nặng nề bởi sắc-luật này.

Đối với báo-chí, một phương-tiện để thực-hiện tự-do ngôn-luận; từ năm 1956 chính-phủ tuy bãi-bỏ chế-độ kiểm-duyet bằng sắc-lệnh số 23-TTP ban-hành ngày 29-2-1956; nhưng chính phủ lại nắm độc-quyền phát-hành trong toàn quốc. Sự kiện đã làm cho quyền báo chí nằm gọn trong tay chính-quyền. Sau cuộc đảo-chính thất bại ngày 11-11-1960 chính-quyền lại kiểm-duyet báo-chí, tất cả các tin-tức, các bài tường-thuật đăng trên các báo đều do cơ-quan thông-tin chính-thức của nhà nước là Việt-Tân-Xã cung cấp.

Đối với những quyền tự-do tối-thiểu của người dân chính-quyền cũng tìm cách cấm đoán; các quyền tự-do tối thiểu như đá gà, đấu võ, thi hoa-hậu đã hoàn-toàn bị giết chết khi dự-luật Bảo-Vệ Luân-Lý của bà Ngô-dình-Nhu đề ra được Quốc-Hội chấp-thuận vào tháng 6 năm 1962.

Ngoài ra, những quyền tự-do chính-trị của người dân cũng bị xâm-phạm hay thi-hành lệch-lạc. Đối với các quyền tự-do bầu cử và ứng-cử dù đã được Hiến-Pháp qui-định một quyền-hành rộng rãi để có thể ngưng áp-dụng, thi-hành những quyền này của người dân (điều 38); nhưng Tổng-Thống Ngô-dình-Diệm vẫn áp-dụng những tập-tục dân-chủ bằng cách cho tổ-chức các cuộc tuyên-cử.

Năm 1959, trong cuộc bầu-cử Quốc-Hội Lập-Pháp vì muốn có một Quốc-Hội trung-thành, Tổng-Thống đã cho loại trừ bác-sĩ Phan-quang-Đán ra khỏi danh sách đặc cử với lý-do mua chuộc cử-trị bằng cách khém bệnh miễn phí. Ngoài ra, với các sự hăm dọa của chính-quyền đối với các ứng-cử-viên đối-lập và bằng phương-pháp gian-lận năm 1959 chỉ có một ứng-cử-viên đối-lập và một độc-lập đặc-cử.



Đến năm 1961 cuộc bầu-cử Tổng-Thống nhiệm-kỳ thứ hai được tổ-chức, các lãnh-tu đối-lập uy-tín đều bị bắt; chỉ còn lại hai liên-danh không đăng ký là Nguyễn-dình-Quát và liên-danh của ông Hồ-nhật-Tân. Chính-phủ đã dùng những tờ báo thân chính-quyền để bôi lọ ông Nguyễn-dình-Quát bằng cách cho đăng những tấm ảnh có tính cách xâm phạm thuần-phong mỹ-tục trong một thời-gian tranh-cử. Ngoài ra, ông chủ-tịch ủy-ban vận-động bầu-cử tại đô-thành đã từ chối không chủ-tọa các buổi nói chuyện của liên-danh ông Nguyễn-dình-Quát với lý-do là ông này đã chỉ-trích Quốc-Hội là tay sai của chính-quyền. Tệ hơn nữa trong cuộc vận-động ông Nghiêm-xuân-Thiện đại-diện liên-danh Hồ-nhật-Tân đã bị cử-tri hành-hung phải chạy trốn mà chính-quyền không có thái-độ nào.

Sau cùng chúng tôi xin đề-cập đến quyền đối-lập, một quyền rất quan-trọng và thường được chấp-nhập tại các quốc-gia dân-chủ thực sự.

Dưới chế-độ của Tổng-Thống Ngô-dình-Diệm, chính-phủ đã coi sự bất đồng chính-kiến là phiến-loạn và phản-quốc. Ông đã tuyên-bố trong một huấn-từ là : "Nhà cầm-quyền nào cũng nhận lời phê-bình chỉ-trích xác đáng của đối-lập. Nhưng người đối-lập phải tôn-trọng nguyên-tắc dân-chủ. Đối-lập mà chỉ nghĩ đến tham-vọng riêng, chỉ muốn đảng trị rồi dùng phương-tiện bất-chính tuyên-truyền xuyên-tạc đi đôi với kẻ thù, vu khống chính-phủ hay âm-mưu bạo-động hòng uy-hiếp chính-quyền và dư-luận thì không phải là đối-lập dân-chủ mà là phiến-loạn, phản quốc (1).

Với ý-nghĩa của câu nói trên thì đối-lập không thể tồn-tại vì nếu chỉ-trích sẽ được coi là vu khống. Do đó, Giám-Đốc Nha Nghiên-Cứu Chính-Trị kiêm chỉ-huy cơ-quan tình-báo và Tổng-Giám-Đốc Cảnh-Sát Quốc-Gia hầu như dồn nỗ-lực vào việc loại trừ, thanh-toán các phần-tử quốc-gia hơn là Cộng-sản. Các chính-đảng được hoạt-động nhưng vẫn bị chi-phối bởi dụ số 10 ban hành ngày 6-8-1950; tư-cách chính-đảng chỉ được công-nhận ngang hàng với một hiệp-hội,

(1) Nguyễn-tri-Sử : Thủ-tấm hiểu Nhân-vị chủ-nghĩa trang 141 xuất bản năm 1958

với nhiều hạn-chế về phương-diện tài-chánh và đe dọa cho sự an-toàn của đảng-viên. Các đảng quốc-gia không ủng-hộ chính-quyền đều phải rút vào bùng hoạt-động như Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng đã phải rút vào hoạt động tại chiến-khu Ba-Lòng. Và khi rút vào chiến-khu các chính-đảng đã trở nên thiếu hợp-pháp để có thể hoạt-động. Cuối cùng chỉ còn lại những đảng thân chính-quyền do những nhân-vật trung-thành của chế-độ lãnh-đạo như các Phong-Trào Cần-Lao Nhân-Vị, Phong-Trào Cách-Mạng Quốc-Gia v.v...

Như vậy, dưới thời Đệ-Nhất Cộng-Hòa các quyền tự-do của người dân đã bị tước đoạt hoàn toàn. Mà tự-do không được tôn trọng thì dân-chủ phải ra đi.

### B.- THÁI-ĐỘ CỦA CHÍNH-QUYỀN DƯỚI THỜI ĐỆ-NHỊ CÔNG-HÒA ĐỐI VỚI CÁC QUYỀN TỰ-DO CỦA NGƯỜI DÂN.-

Cuộc cách-mạng ngày 1-11-1963 nhằm mục-đích lật đổ chế-độ độc-tài của Tổng-Thống Ngô-đình-Diệm để xây dựng lại một chế-độ dân-chủ thực-sự. Nhưng các tướng-lãnh trong Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng phần vì thiếu một ý-thức cách mạng chính-trị, phần vì chia rẽ do quyền-lợi của phe nhóm nên đã loại-trừ lẫn nhau; thêm vào đó, do ảnh-hưởng lớn lao của cuộc cách-mạng đã làm cho người dân có quan-niệm sai lạc về tự-do, đã gây nên một cuộc khủng-hoảng chính-trị kéo dài suốt bốn năm. Cuộc khủng-hoảng chỉ chấm-dứt sau khi những quân-nhân cầm-quyền quyết-định lựa chọn con đường dân-chủ qua việc tổ-chức bầu-cử Quốc-Hội Lập-Hiến để soạn-thảo một bản Hiến-Pháp mới làm căn-bản cho chế-độ. Hiến-Pháp ban hành ngày 1-4-1967 đã khai sinh nền Đệ-Nhị Cộng-Hòa. Sau năm năm thi-hành Hiến-Pháp chúng ta hãy thử tìm hiểu về thực-chất của chế-độ dân-chủ do bản Hiến-Pháp này làm căn-bản qua thái-độ của chính-quyền đối với quyền tự-do của người dân.

#### 1) Quyền ứng-cử và bầu cử :

Chúng ta có thể nhận-định về hai quyền này qua các cuộc bầu cử Tổng-Thống và Quốc-Hội năm 1967 và cuộc bầu cử Tổng-Thống và Quốc-Hội năm 1971.

Cuộc bầu-cử Tổng-Thống và Thượng-Nghị-Viện ngày 3-9-1967 đã diễn ra trong bầu không-khí hào hứng tốt đẹp. Sau lần niêm-yết danh-sách sau cùng, tất cả có 11 liên-danh tranh-cử Tổng-Thống, Phó Tổng-Thống trong đó có liên-danh của hai vị tướng-lãnh đang cầm-quyền và 48 liên-danh tranh 60 ghế Thượng-Nghị-Sĩ.

Trong cuộc vận-động tranh-cử chức-vụ Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống, các liên-danh dân-sự đã được tự-do đả kích chính-quyền. Họ đã tố cáo liên-danh chính-quyền đã ra lệnh cho các cấp chỉ-huy hành-chánh ở các địa-phương bắt dân chúng phải bỏ phiếu cho liên-danh mình; tố-cáo chính-quyền địa-phương đã đe dọa bắt bớ, ngăn cản các đại-diện liên-danh của họ. Ngoài ra, họ cũng chỉ-trích thạm-tệ cá-nhân của hai vị tướng-lãnh.

Cuộc bầu-cử Thượng-Nghị-Viện cũng sôi nổi không kém, một số liên-danh đã tố-cáo chính-quyền ra lệnh cho cấp chỉ-huy hành-chánh ở địa-phương ra lệnh cho dân dồn phiếu cho sáu liên-danh mà họ cho là của chính-quyền; họ còn lên án chính-quyền đã sắp xếp trong thành-phần Thượng-Nghị-Viện dựa vào việc chậm-trễ của việc tuyên-bố kết quả.

Sau khi kết quả tạm thời được công bố các liên-danh thất-cử Tổng-Thống đã ra một bản tuyên-ngôn kết án cuộc bầu-cử ngày 3-9-1967 là gian lận và sau đó họ đã thành-lập Mặt-Trận Tranh-Đấu Thực-hiện Dân-Chủ. Các đoàn thể áp-lực như sinh-viên, tôn-giáo cũng có thái-độ phản kháng đối với kết-quả cuộc bầu-cử. Đặc-biệt hơn cả là Ủy-Ban Đặc-Biệt Quốc-Hội cũng đã bác bỏ cuộc bầu-cử với đa số 16 phiếu trên tổng số 19 dân-biểu. Cuối cùng trong một phiên-họp khoáng-đại vào ngày 30-9-1967 Quốc-Hội Lưu-Nhiệm đã biểu-quyết hợp-thức-hóa kết-quả bầu cử sau khi ghi nhận là có sự vi-phạm luật bầu-cử.

Cuộc bầu-cử bán phần Thượng-Nghị-Viện đã được tổ chức theo đúng tinh-thần điều 33 Hiến-Pháp. Lần này, cuộc tranh-cử cũng không kém hào-hứng. Các liên-danh tự-nhận

đổi-lập cũng đã tố-cáo chính-cuyền thiên-vị, gian-lận để ủng-hộ liên-danh mà họ cho là thân Hành-Pháp. Đặc-biệt là trong kỳ bầu-cử này vài địa-phương cũng chăm-trẻ trong việc gởi kết-quả về trung-ương để công bố nên đã gây nhiều sự nghi-ngờ trong tư-tưởng của dân-chúng.

Riêng cuộc bầu-cử Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống nhiệm-kỳ thứ hai tổ-chức vào ngày 3-10-1971 đã gây ra nhiều luồng dư-luận trong dân-chúng và sự phản-đối của hai liên-danh cùng tranh-cử. Sở dĩ có tình-trạng này là vì trong luật Bầu-Cử Tổng-Thống nhiệm-kỳ 1971-1975 điều 10 khoản 7 luật này qui-định rằng các ứng-cử-viên Tổng-Thống phải có được sự giới-thiệu của 40 dân-biểu và Nghị-Sĩ hoặc 100 Nghị-Viên Hội-Đồng Tỉnh, Thị-Xã. Dư-luận quần-chúng đã chỉ-trích điều luật này vì cho rằng điều-luật có tính cách vi-hiến. Trong lúc thi-hành điều-luật vì sự vô-trách-nhiệm của những người có thẩm-ouyền giới-thiệu, liên-danh của đương kiêm Tổng-Thống Nguyễn-văn-Thiệu đã bị dư-luận chỉ-trích dữ-dội. Hai liên-danh cùng tranh cử đã rút lui để tỏ thái-độ phản-đối. Nhưng sau cùng với ý chí cương-cuỵết liên-danh Dân-Chủ vẫn ứng-cử một mình; cuộc bầu-cử đã diễn ra trong bầu không khí kém hào hứng nhưng trật tự. Liên-danh Dân-Chủ đã đắc-cử với kết quả như sau :

- Tổng số cử-tri đi bầu	: 6.331.918
- Số phiếu bỏ cho liên-danh Dân-Chủ	: 5.975.018

Cuộc bầu-cử đã được Tối-Cao Pháp-Viện hợp-thức-hóa sau các phiên-họp của Đại-Hội-Đồng diễn ra vào các ngày 19, 20, 21 và 22 tháng 10 năm 1971.

Trong khi các cuộc bầu-cử Tổng-Thống, Thượng-Nghị-Viên được diễn ra trong bầu không khí sôi nổi, thì các cuộc bầu-cử Hạ-Nghị-Viên đã tỏ ra kém quan-trọng hơn và diễn ra trong bầu không khí bình-thường. Qua hai lần bầu cử tỉ-lệ cử-tri đi bầu toàn-quốc chỉ đạt được 73% năm 1967 và 78,7% năm 1971.

Thật sự ra, thì tuy những cuộc bầu-cử vừa kể không thể nào đạt được sự hoàn hảo để làm hài lòng mọi người. Nhưng dù sao cũng phải công-nhận các cuộc bầu cử đã được tổ-chức khá chu-đáo trong tinh-thần trong pháp của chính-phủ.

Thật vậy, nhận xét tổng-quát về các cuộc bầu cử ta nhận thấy sự đặc thủng của những liên-danh đã phản ảnh khá trung thực ảnh-hưởng của các hậu-thuần liên-danh. Hơn nữa, dư-luận nhiều khi đã tỏ ra sai lạc và lạm-dung; thật vậy, có những liên-danh khi cảm thấy có thể thất cử đã lên án cuộc bầu cử là bịp bợm gian lận; nhưng đến khi kết quả được công-bố các liên-danh trên lại công nhận là bầu-cử đúng đắn sau khi đã đắc cử. Trong cuộc bầu cử Tổng-Thống năm 1971, sự giới thiệu của Quốc-Hội hay Hội-Đồng Tỉnh không nhằm ngăn cản quyền ứng-cử và bầu-cử của công-dân. Nó chỉ nhằm chứng minh được hậu thuần của liên-danh để tránh tình-trạng lạm-phát ứng-cử mà thôi. Hơn nữa xét trên khía cạnh pháp-lý điều luật này cũng không hề vi-hiến nếu chúng ta tìm hiểu đúng đắn ý-nghĩa của điều 13 khoản 2 và điều 54 khoản 3 của Hiến-Pháp. Câu trả lời này đã được cố giáo-sư Nguyễn-văn-Bông phát-biểu như sau : "Tôi thấy việc giới thiệu của Quốc-Hội hay Hội-Đồng Tỉnh rất hữu lý điều đó không có phản-hiến bao giờ (1)".

## 2) Quyền đối-lập :

Để thực-thi Dân-Chủ, nhân ngày kỷ-niệm đê-nhất chu-niên thành-lập Hiến-Pháp Tổng-Thống đã yêu-cầu Quốc-Hội cứu xét theo thủ-tục khẩn cấp dự-thảo luật về qui-chế chính-đảng và đối lập chính-trị của Hành-Pháp gởi sang. Sau một năm thảo-luận đạo-luật về qui-chế chính-đảng và đối lập chính-trị đã được ban-hành vào ngày 19-6-1969.

Theo tinh-thần đạo-luật này quyền đối lập đã được tôn trọng; Điều 25 luật này qui định : "Chính đảng hay liên-minh chính đảng hợp-thức-hóa được xử-dụng quyền đối lập chính-trị". Ngoài ra, luật này đã cho phép chính đảng được tự-do hoạt-động sau khi đã khai báo hợp-lệ;

(1). Nguyễn-văn-Bông : Nhận xét về điều 10 khoản 7 Luật bầu-cử Tổng-Thống nhiệm-kỳ 1971-1975 - Gấp-tiến 25-26, trang 6 và 7.

luật này đã loại bỏ thẩm-quyền chuyên-quyết của Bộ Nội-Vụ trong việc cấp biên-nhận vì Bộ Nội-Vụ phải cấp biên nhận sau thời gian tối đa là hai tháng sau khi nộp hồ sơ. Như vậy, chính-đảng đã dễ dàng thành-hình để có thể đóng vai-trò đối-lập với chính-phủ.

Với thiện-chí như vậy, nhưng vì một vài khuyết-điểm trong khi soạn thảo nên đạo-luật này cũng đã tạo ra vài trở ngại trong việc thực-thí nguyên-tắc dân-chủ.

Đối với việc hợp-thức-hóa của chính-đảng. Luật này ghi nhận như sau :

- Trong thời hạn 18 tháng kể từ ngày được cấp phái lai, chính-đảng phải hội đủ điều-kiện hoặc có đủ 10 ban chấp hành Tỉnh, Thị-Bộ; mỗi tỉnh Thị-Bộ có ít nhất 500 đảng-viên. Hoặc có 5 ban chấp-hành Tỉnh-Thị-Bộ có 500 đảng-viên nhưng trong số đó phải có 10 đảng-viên chính-thức là đại-diện dân-cử trong Quốc-Hội.

Điều này đã gây khó khăn cho những chính-đảng có đầy đủ thực-lực nhưng lại chỉ hoạt-động ở vài địa-phương và không có đủ Tỉnh, Thị, Bộ để được hợp-thức-hóa hầu có thể góp phần vào vai-trò đối-lập với chính-quyền.

Với một thiện-chí xây-dựng nền Dân-Chủ, Tổng-Thống Nguyễn-van-Thiệu đã cho triệu-tập cuộc họp gồm các chính khách để yêu cầu đoàn-kết và lập hệ-thống lưỡng-đảng. Nhưng phần vì không có tinh-thần đoàn-kết phần vì khuyết-điểm của các căn-bản pháp-lý ông đã không thành-công.

Tóm lại bản Hiến-Pháp đã được thi-hành. Nhưng vì những khuyết-điểm kỹ-thuật và vì hoàn-cảnh nên bản văn-kiện trên vẫn chưa tạo được một chế độ dân-chủ lý-tưởng trong đó quyền-hành chặn-đứng quyền-hành để làm lợi cho tự-do của dân-chúng.

Thật vậy Quốc-Hội lưu nhiệm đã bị áp-lực nặng nề của hai tướng-lãnh trong việc xét đơn ứng cử của hai ông.

Hai vị tướng-lãnh cầm quyền đã không chịu từ chức với lý do các chức-vụ chủ-tịch ủy-ban chỉ là chức-vụ chính-trị nên không chịu từ chức. Khi Quốc-Hội họp khoảng đại để họp-thức-hóa kết qua bầu-cử ngày 3-9-1967, các quan-sát viên ngoại-quốc đã tỏ vẻ lo ngại nếu Quốc-Hội không công nhận thì chính-quyền có thể bất dân-biểu tuyên bố tình trạng khẩn trương mà không cần tới một nguyên-tắc pháp-lý nào cả.

Sau khi Quốc-Hội Lập-Pháp Lương-Viện được thành lập, quyền-hành của chính-phủ đã bị giới hạn. Thủ-Tướng, các Tổng Bộ-Trưởng thường xuyên ra trước Quốc-Hội để trả lời các câu chất-vấn của Nghị-Sĩ và dân-biểu. Với các quyền hành rộng lớn, nhưng vì các dân-biểu và nghị-sĩ đã không có tinh-thần xây-dựng và trách-nhiệm nên đã có tình-trạng phe nhóm, quyền-lợi và do đó đã bị phân tán làm nhiều nhóm với các khuynh-hướng dị-biệt. Trong lúc đó, các dân-biểu và nghị-sĩ Công-giáo thân chính-quyền có được một tinh-thần đoàn kết vì vậy Quốc-Hội khó đánh bại được Hành-Pháp.

Đạo-luật số 005/72 đã được ban hành ngày 28-6-1972, với những thẩm-quyền được Quốc-Hội ủy-nhiệm, Tổng-Thống có thực-hiện đúng đắn quyền-hạn để phục-vụ Quốc-Gia Dân-Tộc hay không ? Hiện nay hãy còn quá sớm để trả lời.

Những văn-kiến pháp-lý cứ vấp phải những khuyết-điểm gây khó khăn cho việc xây dựng Dân-Chủ. Trong khi đó, người dân không có được một thái-độ xây-dựng tích-cực để góp phần vào việc kiện-toàn chế-độ. Sự việc này có thể được chứng minh khi chúng ta xét đến thái-độ của người dân đối với các quyền tự-do.

### Đoạn 111

#### THÁI-ĐỘ CỦA DÂN-CHUNG ĐỐI VỚI CÁC QUYỀN TỰ-DO

Như đã trình-bày ở trên, chế-độ Dân-chủ nhằm giúp người dân được hưởng nhiều lợi ích, và khuynh-hướng

của dân-chúng thế-giới ngày nay đa số hướng về một chế-độ mà trong đó quyền tự-do được tôn-trọng. Trong thực-tế vì sự xung-đốt quyền-lợi, có thể chính-quyền sẽ vi-phạm đến những quyền này; vì lẽ đó dân chúng phải biết bảo vệ quyền tự-do của họ. Sự bảo-vệ của dân chúng được biểu lộ qua thái-độ thiết tha của người dân đến những quyền đó; thiết tha đòi hỏi và thi-hành. Thái-độ của người dân Việt Nam đối với những quyền được công nhận ra sao? Thiết-tưởng điều này cũng phản ảnh được phần nào thực-chất của chế-độ Dân-Chủ Việt-Nam Cộng-Hòa.

#### A.- QUYỀN BẦU-CỬ.

Tha thiết với việc tạo-lập một chế-độ mới dân-chúng đã hăng hái tham-dự cuộc trưng cầu dân-ý tổ-chức ngày 23-10-1955 và sau đó là cuộc bầu cử Quốc-Hội Mặt-Hiến ngày 4-3-1956. Nhưng thật sự ra người dân đã chỉ hành-xử quyền này khi chính-quyền ban cho chứ không hề đòi hỏi; vì lẽ đó khi Tổng-Thống Ngô-đình-Diệm có khuynh-hướng bóp méo quyền này để thành-lập chế-độ độc-tài, bằng cách đưa người của mình vào tòa nhà Lập-Pháp, chúng ta đã không ghi nhận được một thái-độ thích-ứng nào của dân-chúng đối với sự việc này.

Sau cuộc chính-biến ngày 1-11-1963 dân chúng đã tỏ ra có tích cực hơn đối với quyền bầu-cử. Nhưng vì, kết quả không mấy tốt đẹp do những cuộc bầu cử mang lại; hơn nữa, vì đời sống chật vật, bất ổn mà những cuộc bầu cử được tổ chức quá nhiều đôi khi gây thiệt-hại cho quyền-lợi dân-chúng; nên đã làm cho người dân nhàm chán, không mấy tha-thiết đối với tập-tục Dân-Chủ này. Bầu cử đối với người dân đã không còn ý-nghĩa của một quyền lợi mà chỉ còn là một nghĩa-vụ. Với quan-niệm như vậy, sự đóng góp của người dân vào công cuộc kiến tạo và kiên toàn dân-chủ không còn.

#### B.- CÁC QUYỀN TỰ-DO KHÁC.

Đối với các quyền tự-do khác như tự-do ngôn-luận, tự-do hội-hop, tự-do đi lại v.v.. Thái-độ của dân-chúng cũng tỏ ra thụ-động không kém. Họ coi các quyền trên là đặc-ân do chính-quyền ban bố chứ không phải là quyền đã



sản có và chính-quyền phải tôn trọng. Ngoài ra, dân-chúng còn sử-dụng những quyền trên một cách lệch-lạc, đôi khi gây khó khăn trong việc điều-hành guồng máy quốc-gia. Sự việc này đã đưa đến một vài cảm đoán của chính-quyền đối với các quyền của dân chúng, đôi khi đưa đến độc-tài.

Thật vậy, với quyền tự-do ngôn-luận, thường được thể hiện qua báo-chí, chúng ta thấy có sự lạm-dụng của dân-chúng. Với một qui-chế tương-đối dễ dãi so với các chế-độ trước đây, con số báo xuất bản đã tăng gia mau lẹ, sự việc này thật đáng mừng nếu những người chủ-trương các tờ-báo ý-thức được quyền lợi và nghĩa-vụ của mình. Tiếc thay vì tư-lợi đôi khi họ đã lợi-dụng quyền tự-do này để phỉ-báng cá-nhân một cách bừa bãi, thiếu khách-quan. Những bài báo trước kỳ bầu cử bán phần Thượng-Nghị-Viện đã chứng minh được điều này.

Đối với các quyền tự-do hội-hợp và tự-do đi lại, người dân không có được một ý-niệm rõ-rệt và một thái-độ thích-hợp với những quyền này. Vì thế dù bị chính-quyền giới hạn, đôi khi quá đáng, dân chúng vẫn không hề có thái-độ nào để đòi hỏi cấp lãnh-đạo phải có một thái-độ thích-ứng đối với các quyền này.

Quyền tự-do hội-hợp, đi lại có còn được không khi người dân vẫn còn phải có sự cho phép của chính-quyền. Và nói đến sự cho phép tức là chúng ta đã nói đến thẩm-quyền chuyên-cuyết của cơ-quan công-quyền.

Riêng đối với các quyền tự-do về chính-trị như quyền gia-nhập chính-đảng, đối-lập chính-trị v.v... Thái độ của dân-chúng thật vô cùng thiếu sót.

Họ luôn luôn có một ý-tưởng xấu khi nghĩ đến chính trị; nói đến chính-trị người dân chỉ có thể nghĩ đến việc mua bán chức tước và tù tội. Chính mắt họ trong những năm qua đã được chứng kiến cảnh lên voi xuống chó trong chính trường; cái chết của ba anh em cố Tổng-Thống Ngô-đình-Diệm

đã thật sự làm cho họ e-ngại chính-trị. Vì thế đối với các quyền tự-do liên-quan đến chính-trị họ có một thái-độ e-dè sợ sệt. Bi thảm hơn như cố giáo-sư Nguyễn-văn-Bông đã nhận xét là họ cố giữ thái-độ khách quan đối với vấn-đề đảng-phái và họ không muốn theo dõi những tờ báo do các chính-đảng chủ-trương. Với một thái-độ như vậy, việc xây-dựng một chế-độ Dân-Chủ thực sự đã gặp phải nhiều khó khăn nhất là trong giai-đoạn chiến-tranh hiện tại.

Trên đây chúng tôi chỉ đơn cử một vài quyền tự-do căn-bản; ngoài ra đối với những quyền tự-do khác, nhận xét của chúng tôi là người dân có một thái-độ thờ-d nếu không muốn nói là hoàn toàn thụ-động. Đối với họ những quyền mà họ được hưởng vẫn còn là ân-huệ của chính-quyền ban cho họ. Quan-niệm này thật thích-nghi với việc tạo-lập một chế-độ độc-tài; có lẽ cũng dựa vào sự kiện này mà cố Tổng-Thống Ngô-đình-Diệm đã thiết lập được một chế-độ độc-tài gia-đình-trị kéo dài đến chín năm.

Thái-độ thụ-động của người dân gây ra phần vì sự thiếu hiểu biết của dân-chúng. Dân chúng không hiểu rõ những tác-dụng hỗ-tương cần-thiết của Tự-Do và Dân-Chủ; họ cũng không hiểu quyền lợi và nghĩa-vụ của chính họ, vì thế đôi khi họ có được tự-do nhưng không biết thi-hành đúng đắn các quyền này gây nên nhiều khó khăn cho chính-quyền trong lúc phải đối-phó với cuộc chiến-tranh nhuộm màu sắc ý-thức-hệ, trong đó sự thiếu hiểu biết của dân-chúng được người Cộng-San lợi dụng có thể thắng lợi. Vì thế chính-quyền đôi lúc đã phải đi ngược lại ý-muốn thực-hiện một chế-độ dân-chủ thực sự của dân chúng. Để tránh bất lợi này chúng ta cần phải có được một trình-độ hiểu biết tối thiểu để có thể hiểu rõ những quyền lợi và nghĩa-vụ của người dân trong một chế-độ Dân-Chủ lý-tưởng, giúp cho chính-quyền có được điều kiện thuận-tiện để vừa xây dựng được Dân-Chủ mà vẫn có thể thắng lợi trong cuộc chiến tranh với người Cộng-San. Như vậy, vấn-đề Dân-Trí phải được đặt ra.

PHẦN THỨ HAI  
**VẤN-ĐỀ DÂN-TRÍ**  
**TẠI VIỆT-NAM CỘNG-HÒA**

## CHƯƠNG MỘT

# TƯƠNG-QUAN GIỮA DÂN-CHỦ VÀ TRÌNH-ĐỘ DÂN-TRÍ

### Đoạn I

## ÁNH-HƯỞNG CỦA TRÌNH-ĐỘ DÂN-TRÍ ĐẾN VIỆC XÂY-DỰNG DÂN-CHỦ

Quan-sát sự phát-triển chính-trị của các quốc-gia trên thế-giới, nhiều người đã cho rằng chế-độ Dân-Chủ chỉ có thể áp-dụng được một cách tốt đẹp tại các quốc-gia đã trưởng-thành. Vấn-đề thật ra không đến nỗi quá bi-quan như vậy; nhưng dù sao, chúng ta cũng phải công-nhận chế-độ Dân-Chủ chỉ được điều-hành hoàn-toàn tốt đẹp tại các quốc-gia đã có được một trình-độ Dân-Trí nào đó.

Trình-độ Dân-Trí tức là mức-độ hiểu biết của dân chúng về các vấn-đề thuộc mọi lãnh-vực như chính-trị, văn-hóa, xã-hội, khoa-học v.v... Trình-độ Dân-Trí còn bao gồm cả quan-niệm của người dân về mọi vấn-đề; cách quan-sát của nhận-xét của dân-chúng về các sự vật chung quanh nữa. Nếu dân-chúng có một mức-độ hiểu biết, quan-niệm đúng đắn nền Dân-Chủ mới có thể được điều-hành một cách tốt đẹp.

Thật vậy, với những quyền tự-do được công-nhận trong chế-độ Dân-Chủ, nếu người dân hành-xử bừa bãi, vô giới-hạn, trật-tự xã-hội sẽ bị xáo-trộn đưa đến sự sụp-đổ của chế-độ. Vì thế, người dân phải biết giới-hạn những quyền tự-do của mình, giới-hạn ở mức-độ nào để quyền này không mất hẳn mà trật-tự xã-hội vẫn được duy-trì? Để giải quyết được vấn-đề này người dân phải có một trình-độ hiểu biết đủ để có được một quan-niệm đúng đắn góp phần vào việc bảo vệ Tự-Do và xây-dựng chế-độ Dân-Chủ.

Vì thế, không phải là cứ ban bố một vài biện-pháp dân-chủ là có ngay được một chế-độ Dân-Chủ tốt đẹp. Sự áp dụng bừa bãi mù-quáng các kỹ-thuật dân-chủ tân-tiến của các quốc-gia trưởng-thành vào một nước chậm tiến như Việt Nam, nhiều khi không đem lại một cái-tiến quan-trọng nào cho sinh-hoạt của cộng-đồng quốc-gia mà còn tạo cơ-hội cho cộng-sản lợi-dụng bóp chết chế-độ. Sự thất bại của Nam-Dương trong việc áp-dụng dân-chủ là một chứng minh.

Muốn áp-dụng một chế-độ dân-chủ thực-sự để dân-chúng có được những quyền tự-do rộng rãi, như tại các quốc-gia dân-chủ tiến bộ là Anh, Mỹ, Pháp v.v.. Chúng ta cần phải giúp cho dân-chúng hiểu rõ những quyền-ban và nghĩa-vụ mà người dân có và phải thi-hành trong một nước dân-chủ. Sau đó họ mới có đủ khả-năng và tư-cách để hành-xử các quyền và thi-hành những nghĩa-vụ một cách tốt đẹp, góp ích cho việc điều-hành xã-hội trong khuôn khổ chế-độ. Muốn thế, chúng ta cần có một thời-gian để huấn-luyện dân chúng.

Khi người dân đã hiểu đâu là quyền-lợi cần đòi hỏi, đâu là nghĩa-vụ phải thi-hành; biết tôn-trọng những nguyên-tắc dân-chủ bằng cách thi-hành đúng đắn tập-tục. Lúc đó họ mới có thể giúp ích, hay ít nhất cũng không phải là một trở ngại trong công cuộc xây dựng chế-độ dân-chủ. Thật vậy, trong thực-tế, đôi khi chính-quyền có lựa gặt, mi-dân hay không cũng tùy thuộc vào trình-độ hiểu biết của dân-chúng; ở những quốc-gia có trình-độ dân-trí thấp-kém chính-quyền gặp phải khó khăn trong việc chọn lựa một trong hai thái độ :

- Hoặc áp-dụng những biện-pháp dân-chúng không thích nhưng có lợi cho quốc-gia để có thể bị thua trong cuộc bầu cử sắp tới.

- Hoặc làm vừa lòng dân-chúng nhưng làm hại cho quyền lợi quốc-gia để có thể tái đắc-cử.

Một trình-độ dân-trí thích-hợp sẽ giúp chính-quyền tránh được những khó khăn kể trên để rảnh tay xây dựng chế-độ dân-chủ thực sự.

Đoạn II

TÌNH-TRẠNG DÂN-TRỊ VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Trình-độ dân-trị nước ta nói chung vẫn còn thấp kém; chỉ có một thiểu-số may mắn có được một trình-độ hiểu biết đủ để có thể góp phần vào việc xây-dựng dân-chủ. Còn đa số dân-chúng vẫn chưa có được một sự hiểu biết để có thể quan-niệm đúng đắn về lãnh-vực chính-trị.

Tình-trạng này đã có hậu quả là trong xã-hội người có tài thật là hiếm hoi và dân-chúng không đủ điều-kiện trí-thức để chọn cho mình một người đại-diện xứng đáng.

Vì lẽ đó chúng ta không mấy ngạc-nhiên khi thấy những người làm chính-trị báo-chí hay kỹ-nghệ đôi khi lại thiếu hẳn một kiến-thức căn-bản cần-thiết. Có những Dân-Biểu, Nghị-Sĩ, tờ báo chọn một thể đứng đối lập đã chống đối chính-phủ trong mọi vấn-đề dù hành-động của chính-phủ hợp-lý hay bất hợp-lý; theo họ như thế mới là đối lập thật sự. Với quan-niệm sai lạc về chính-trị như vậy họ đã không ngần ngại khi kết án một vài đảng phái, dân-biểu, Nghị-Sĩ, tờ báo khác là đối lập cuối vì những đoàn thể, cá-nhân này đã không chống đối Hành-Pháp khi họ nhận thấy Hành-Pháp hành-động hợp-lý.

Để có thể hình-dung được tình-trạng dân-trị Việt-Nam Cộng-Hòa một cách rõ-ràng, chúng tôi xin dẫn chứng lời tuyên-bố của ông cựu chủ-tịch Hạ-Nghị-Viện, phát-biểu ý-kiến ủng-hộ lời tuyên-bố của Tổng-Thống tại Nha-Trang; về việc không thể chấp nhận tình-trạng mỗi cá-nhân, đoàn-thể đều đưa ra một giải-pháp hòa-bình :

"Chế-độ của mình là một chế-độ Dân-Chủ thì mình phải tuân theo mệnh-lệnh của chính-phủ; còn ai bất đồng ý-kiến với chính-phủ thì phải đệ đơn lên Quốc-Hội hay Tổng-Thống mà kêu nài, chứ làm sao có thể tự ý nói ra ý kiến của mình được (1)".

(1) Cáo báo Thủ-Đỗ xuất bản vào trung tuần tháng 10-1968 đều có đăng.

Câu này chứng minh cái dốt của ông nói riêng, và xác định tầm mức hiểu biết thấp kém của dân-chúng nói chung : và đây là một nguyên-do đã khiến cho chúng ta hiểu tại sao sau mười sáu năm xây-dựng, nền dân-chủ vẫn chưa được kiên-toàn tại Việt-Nam.

Như vậy, để có thể có được một chế-độ tự-do dân-chủ tốt đẹp chúng ta cần có một trình-độ dân-trí thích-ứng. Muốn tạo một trình-độ dân-trí như vậy; chúng ta cần tìm hiểu nguyên-nhân đã làm cho dân-trí thấp kém để có thể có được những kế-hoạch và biện-pháp thích-hợp.



## CHƯƠNG HAI

NHỮNG NGUYÊN-NHÂN LÀM CHO DÂN-TRÍ  
VIỆT-NAM CỘNG-HÒA THẤP KÉM

Khi nói đến những nguyên-nhân gây nên tình-trạng dân-trí thấp kém, chúng ta thường liên-tưởng đến những khuyết-diểm của hệ-thống giáo-dục. Sự liên-tưởng này không sai; nhưng nếu xét kỹ-lưỡng vấn-đề chúng ta còn nhận thấy có nhiều nguyên-nhân khác cũng đã có ảnh-hưởng xa hay gần đến tình-trạng dân-trí. Muốn có được một trình-độ dân-trí thích-hợp, chúng ta không thể quên những nguyên-nhân này.

## Đoạn I

## NGUYÊN NHÂN GIÁO DỤC

Như đã định-nghĩa ở phần trên, trình-độ dân-trí bao gồm mức độ hiểu biết, cách nhận-xét, quan-niệm của người dân về mọi vấn-đề. Nếu dân-chúng có một trình-độ hiểu biết, cách nhận xét và quan-niệm chính-xác về mọi vấn-đề, chúng ta có được một trình-độ dân trí cao. Công việc đào tạo cho người dân có được các khả-năng trên thuộc phạm-vi trách-nhiệm của hoạt-động giáo-dục. Vì giáo-dục theo nghĩa hẹp là một hoạt động nhằm vào việc dạy dỗ đào tạo con người. Nền giáo-dục Việt-Nam Cộng-Hòa đang áp-dụng có đáp ứng được với nhu cầu huấn-luyện dạy dỗ công-dân hay không? Những lý-do nào đã khiến ngành giáo-dục phải thiếu sót trong nhiệm-vụ? Những vấn-đề này sẽ được trình-bày ở phần sau đây :



## THỰC-TRẠNG NỀN GIÁO-DỤC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Nền giáo-dục nước ta từ thời quân-chủ đến nay đã trải qua nhiều biến-chuyển; riêng trong chế-độ dân-chủ nó đã chịu nhiều cải-tổ. Qua diễn trình cải-tổ nền giáo-dục tại Việt-Nam, những mục-tiêu đã được đề ra nhưng không đạt tới được một kết- quả nào vì thiếu một sách lược để vận-dụng hợp-lý những phương-tiện để thực-hiện những mục-tiêu đề ra.

Chính sách giáo-dục phải được hoạch-định trong khuôn khổ của một nước chậm tiến đang cần phát-triển về mọi mặt. Trong phạm-vi của đề-tài, chúng tôi chỉ xin đề cập đến nhu cần phát-triển dân-trí để có thể kiện-toàn dân-chủ. Chính-sách giáo-dục của Việt-Nam đã có những khuyết-điểm nào khiến cho dân-trí nước ta ngày nay vẫn còn thấp kém ?.

### A. NỀN GIÁO-DỤC THIẾU CÔNG BẰNG.-

Nền giáo-dục nước ta cổ-thời và dưới thời Pháp-thuộc chỉ được quan-niệm như một phương-tiện dành riêng cho một thiểu-số có uy-cuyền; trong khi nếu muốn có một trình-độ dân-trí tốt đẹp chính-cuyền phải thực hiện sự bình-đẳng về cơ-hội giáo-dục. Điều này đến nay chúng ta vẫn chưa hoàn-tất được.

Hiến-Pháp ban-hành ngày 1-4-1967 cũng như Hiến-Pháp ban hành ngày 26-10-1956 đều ghi nhận sự thực-hiện một chế-độ cưỡng bách và miễn phí ở bậc học cơ-bản (điều 10 Hiến-Pháp 1967 và điều 26 Hiến-Pháp 1956).

Trong phạm-vi khả năng quốc-gia, bậc học này thường được quan-niệm là bậc Tiểu-Học. Nhưng ngày tại bậc học này nguyên tắc nêu ra đã không áp-dụng được. Trong niên-khóa 1963-1964 có 1.574.679 trẻ em theo học bậc tiểu-học, trong khi có đến 2.237.000 trẻ em đến tuổi đi học bậc này. Như vậy, trung-bình cứ 100 trẻ em thì có 30 đứa trẻ thất học.

Đến niên-khoá 1966-1967 tỉ-lệ này giảm xuống còn 24,5%. Sự thiếu công bằng của hệ-thống giáo-dục đã được thể-hiện qua sự hiện-hữu của hệ-thống giáo-dục tư-thục với học-phí quá cao.

Ở bậc Trung-Học, nạn thiếu trường sở, thiếu giáo sư đã là một khuyết-điểm trầm trọng của bậc học này. Theo tài-liệu chính-thức số học-sinh mỗi lớp là 54 (1) em, một con số quá cao so với Thái-Lan là 21. Vì vậy con số học-sinh bậc tiểu-học được thâu nhận vào các trường trung-học rất ít, số còn lại phải đi học tư hay cam chịu đốt nát tùy theo hoàn cảnh.

Ngoài ra, ở bậc học này, giáo-dục còn vương phải nhiều khuyết-điểm trong việc thi-hành và chương-trình học. Nếu giáo-dục hiện nay của ta đã thiếu sự chú-trọng tới khả năng của học-sinh khi kẻ thông-minh, người chậm hiểu đều được xếp ngồi chung với nhau làm phát sinh các mặc cảm tự-tôn hay tự-ti và làm giảm sút khả-năng của kẻ thông minh khi phải nâng đỡ người yếu kém v.v... Sau cùng, chương trình học vẫn còn nặng phần lý-thuyết, nhẹ phần thực dụng đã làm cho học-sinh không có được một kiến-thức chính-xác để có thể có được quan-niệm đúng về mọi vấn-đề.

Bậc Đại-Học cũng đã gặp phải những khó khăn và có những khuyết-điểm tương-tự như hai bậc học kể trên. Thời Đệ-Nhật Cộng-Hòa chính-quyền đã không để ý gì đến bậc học này, ngoại trừ việc thỉnh-thoảng dùng những người có bằng cấp cao vào chức-vụ quan-trọng, hay thỉnh-thoảng để họ cầm đầu những phái-đoàn đi dự các hội-nghị quốc-tế.

Sau này chính-quyền Đệ-Nhị Cộng-Hòa vẫn chưa có được một chính-sách dứt khoát áp-dụng cho bậc Đại-Học. Để giải-quyết tình-trạng thiếu trường sở, chính-phủ đã cho mở thêm các Đại-Học Cộng-Đồng và thừa nhận các trường Đại-Học Tư; nhưng chính-quyền lại không giải-quyết được tình-trạng thiếu thốn giáo-sư ở bậc học này. Con số sinh viên quá đông so với con số giáo-sư nên kết quả bậc học này thu được không mấy khả quan. Con số sinh-viên tốt-nghiệp các trường Đại-Học chỉ đếm được trên đầu ngón tay.

(1) Tài-liệu của Phòng Thống-Kê Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục.

## B.- VẤN-ĐỀ GIÁO-DỤC CÔNG-DÂN.

Ngoài những khuyết-điểm do việc thiếu phương-tiện gây ra; nền giáo-dục nước ta còn một thiếu sót quan-trọng trong việc giáo-dục công-dân.

Là hậu-thân của một chính-sách giáo-dục thuộc-địa của người Pháp, nền giáo-dục hiện nay của ta vẫn chỉ sản-xuất được những lớp người chỉ có được một lý-thuyết về văn-chương, toán học v.v... Vấn-đề giáo-dục công-dân được xếp ở một địa-vị khiêm-nhường trong các môn học trong khi môn học này lại có một ích-dụng và tầm quan-trọng đặc-biệt.

Thật vậy, những khủng-hoảng trong chế-độ Dân-Chủ hiện nay ở nước ta sở dĩ có là vì sự thiếu hiểu biết về quyền lợi và nghĩa của người dân. Dân chúng nhiều khi có những đòi hỏi quá đáng và trốn tránh nhiệm-vụ, thí-dụ : như cuộc tranh-đấu tại miền Trung để đòi hỏi phục chức cho Tướng Thi; dân-chúng trốn thuế gây thất thu tạo nên những khó-khăn cho chính-quyền v.v... Môn Công-Dân Giáo-Dục giúp người dân hiểu rõ những quyền-lợi và nghĩa-vụ của mình tạo nên sự đoàn-kết quốc-gia. Trong khi đó chúng ta lại bỏ quên môn học này.

Ở bậc Tiểu-Học cũng như ở Trung-Học, môn học này chỉ có được một giờ cho mỗi tuần; một thời-gian quá ít gần như không giúp ích gì cho việc đào tạo một người công-dân tốt thích hợp cho việc áp-dụng chế-độ. Vì thời-gian học quá ít nên cũng như các môn học khác môn này cũng chỉ thuần về lý-thuyết với mục-đích tiêu-cực. Học-sinh khi học môn học này chỉ với mục-đích để thi cho có điểm, còn những giáo-sư dạy môn này bị mặc cảm vì môn học kém quan trọng nên không tha thiết với việc giảng dạy.

Giáo-dục công-dân bị bỏ quên tại học-đường, chúng ta cũng không hy-vọng gì có được một nền giáo-dục công-dân tốt đẹp trong gia-đình khi vì nhu cầu sinh-kế, vì thiếu ý thức về quan-niệm giáo-dục; các bậc phụ-huynh gần như hoàn toàn trông cậy vào nhà trường trong việc giáo-dục.

Sự thiếu sót của phần giáo-dục công-dân ở cả hai lãnh-vực gia-đình và học-đường đã không giúp chúng ta đào tạo được những công-dân tha-thiết với quyền-lợi của quốc-gia, ý-thức được quyền-lợi và nghĩa-vụ của mình để có thể góp phần vào việc xây-dựng dân-chủ.

Tóm lại nền giáo-dục Việt-Nam hiện nay chỉ đạt được những tiến-bộ khiêm-nhuờng trong công cuộc phát-triển dân-trí. Với những khuyết-điểm vừa kể trên; nền giáo-dục nước nhà chỉ đào tạo được một thiếu số trí-thức khoa-bảng, còn những công-dân khác đã bị đào thải hay có một kiến-thức thiếu-sót, và như vậy, chúng ta có thể kết-luận ngành giáo dục Việt-Nam với những khuyết-điểm lớn lao đã không góp phần hữu ích vào việc xây dựng một trình-độ dân-trí thích-hợp dù đã mười sáu năm qua.

## Đoạn II

### NGUYÊN NHÂN KINH TẾ

Cách ngôn Việt-Nam có câu : "Có thực mới vực được đạo". Thật vậy, người dân chỉ có thể trau dồi được cho trí-thức sau khi đã đủ ăn đủ mặc. Quan-sát những quốc-gia có được một trình-độ dân-trí lý-tưởng như Anh, Mỹ, Nhật-Bản v.v.; chúng ta nhận thấy những quốc-gia này đã có được một nền kinh-tế phồn-thịnh để giúp cho người dân có được một đời sống tối thiểu tương đối khả quan. Giáo-sư Vũ-quốc-Thúc đã viết :

"Phải tự mình là dân của một nước thiếu mở mang; ta mới cảm thấy tất cả sự nghiêm-trọng của tình-trạng ấy. Ta sẽ cảm thấy ngày nào dân còn đói rách, còn thất nghiệp thì không một vấn-đề chính-trị, văn-hóa, xã-hội nào có thể giải-quyết được hết"(1).

Thật vậy, cho dù chính-quyền có giúp dân có được một nền giáo-dục tốt đẹp; nhưng người dân cơm không đủ ăn,

(1) Vũ-quốc-Thúc : Hiện-tượng Chậm-Tiến, vấn-đề kinh-tế thiếu mở mang trang 25.

áo không đủ mặc, ăn bữa sáng lo bữa tối; thì họ có thể nào hưởng dụng được nền giáo-dục tốt đẹp đó hay không khi tất cả thì giờ nhân lực phải dành để làm việc hầu sinh sống ? Đây chỉ là trường-hợp lý-tưởng vì dân đói rách tức là nền kinh-tế của quốc-gia bị suy sụp. Với một nền kinh-tế nghèo nàn thử hỏi quốc-gia có đủ phương-tiện để cung-cấp cho dân một nền giáo-dục lý-tưởng hay không ?

Nhìn vào các quốc-gia có được một trình-độ dân-trí tốt đẹp như Anh, Mỹ, Đức, Nhật v.v...; chúng ta luôn luôn nhận thấy những quốc-gia này đã có một nền kinh-tế phồn-thịnh giúp người dân có một mức sống tối thiểu tương-đối khá-quan. Nhận xét này đã đưa chúng ta đến một vấn-đề : có thể xây-dựng một trình-độ dân-trí tối-thiểu trong tình trạng kinh-tế Việt-Nam hay không ? Để tìm câu trả lời chúng ta hãy thử tìm hiểu về thực-trạng của nền kinh-tế Việt-Nam Cộng-Hòa.

### THỰC-TRẠNG CỦA NỀN KINH-TẾ VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Việt-Nam Cộng-Hòa có một nền kinh-tế lưỡng-khu, tuy hoạt-động song hành nhưng ít giao-thiệp với nhau :

- khu-vực nông-thôn chuyên về nông-nghiệp chiếm 70% dân-số.

- khu-vực thành-thị với kỹ-nghệ chế-biến và chuyên về ngoại-thương.

Với một sự phân chia như vậy nền kinh-tế nước ta nặng về nông-nghiệp hơn là kỹ-nghệ. Đây cũng là điều tự-nhiên vì vùng đất từ vĩ-tuyến 17 trở vào Cà-Mau có ít hầm mỏ. Tài-nguyên xứ sở phần lớn trồng cây nhiều vào lúa gạo và cao-su; nhưng việc sản-xuất các sản-phẩm nông-nghiệp lại bị ảnh-hưởng của chiến-tranh. Chiến-tranh càng ngày càng gia tăng làm an-ninh giảm sút và diện-tích canh-tác đã bị bỏ hoang một phần lớn, những người trẻ tuổi lại phải nhập ngũ. Nền kinh-tế do đó đã gặp khó khăn trong việc phát-triển và thường bị thất-quần-bình về nhiều lãnh-vực.

Những thất quân-bình gây ra bởi nhiều nguyên-nhân, nhưng quan trọng nhất là vì chiến-cuộc càng ngày càng gia tăng và thất quân-bình lại càng trở nên trầm trọng.

a) Thất quân-bình giữa sản-xuất và tiêu-thụ :

Sức sản-xuất bị giảm sút vì chiến-cuộc trong khi đó sức tiêu-thụ ngày càng gia-tăng tạo nên một tình-trạng khan hiếm gây khó khăn chật vật cho đời sống dân-chúng.

Sức tiêu-thụ đã gia tăng vì ảnh-hưởng của sự gia-tăng dân-số và sự gia-tăng chi-tiêu của chính-phủ và đồng minh vào việc thiết lập những căn cứ quân-sự, phi-trường, hải-cảng đường xá v.v... Dân-số thì con số gia tăng trong nước là 2,5% (1); nhưng ngoài ra còn có sự hiện-diện của các lực-lượng ngoại-nhập đã tạo một ảnh-hưởng lớn lao trên sự gia tăng tiêu-thụ. Các lực lượng này gồm hơn 500.000 binh-sĩ Hoa-Kỳ, gần 100.000 binh-sĩ Úc, Đại-Hàn, Tân-Tây-Lan, Phi-Luật-Tân, Tái-Lan ...; đó là chưa kể đến lực-lượng Bắc-Việt xâm nhập vào Nam ước độ 300.000 người.

Trong khi đó chiến-cuộc gia-tăng ác-liệt đã tạo nên một tình-trạng vô cùng khó khăn cho các ngành sản-xuất vì tình-trạng thiếu an-ninh và do sự tàn-phá của chiến-tranh gây ra. Trong lãnh-vực kỹ-nghệ tình-trạng tương đối ít bị quan nhưng lãnh-vực canh-nông ngược lại đã bị ảnh-hưởng trầm trọng.

Để giải-quyết cấp thời nạn khan hiếm do sự mất thăng bằng giữa sản-xuất và tiêu-thụ gây ra ngõ hầu trấn an dân-chúng và ổn-dịnh lại vật giá; chính-phủ đã nhập-cảng hàng hóa ồ-ạt, nhưng một tình-trạng bất lợi khác cho nền kinh-tế lại xuất-hiện.

b) Thất quân-bình giữa xuất-cảng và nhập-cảng:

Do ảnh-hưởng của những biện-pháp cấp thời của chính phủ một tình-trạng mất quân-bình đã xảy ra giữa hai lãnh-

---

(1) Tài-liệu của Viện Quốc-Gia Thông-Kế.

vực xuất cảng và nhập cảng. Theo thống-kê của Tổng-Nhà Quan-Thuế, tình hình ngoại-thương của Việt-Nam Cộng-Hòa từ năm 1961 đến năm 1967 được diễn tả như sau :

XC NC	1961	1962	1963	1964	1965	1966	1967
	Nhập- cảng	8,917 tỷ	9,247 tỷ	10,016 tỷ	10,421 tỷ	12,506 tỷ	28,385 tỷ
Xuất- cảng	2,022 tỷ	1,619 tỷ	2,683 tỷ	1,696 tỷ	1,250 tỷ	1,495 tỷ	1,312 tỷ

Từ năm 1967 trở đi vì chiến cuộc gia tăng khốc-liệt chúng ta đã phải nhập-cảng cả đến lúa gạo là sản-phẩm trước đây vẫn có dư để xuất-cảng sự mất quân-bình lại càng thêm trầm-trọng.

c) Thất quân-bình giữa lương-bổng và giá-cả:

Vì ảnh-hưởng của chiến-tranh số lượng tiền tệ đã gia tăng gây áp-lực trên sự gia-tăng mãi-lực. Khối lượng tiền-tệ sơ dĩ gia tăng vì ngân-sách quốc-gia luôn luôn bị thiếu hụt (1), vì phải chi-tiêu để đối-phó với tình-trạng chiến-tranh, và hơn nữa do sự chi-tiêu của quân-đội đồng-minh đã tung vào thị-trường một trào-lượng tiền-tệ đáng kể.

Nhưng vì mức sản-xuất giảm sút do chiến-tranh và nhịp độ nhập-cảng chậm trễ nên đã có tình-trạng khan hiếm hàng hóa. Do đó chỉ số vật giá đã gia tăng từ 200% trước cách-mạng lên đến 320% (2).

Trong khi đó chỉ số lương bổng chỉ gia-tăng từ 20%-30% mức độ chênh-lệch giữa vật giá và lương bổng ngày

(1) NSQG năm 1963 thâu 19 tỷ 411 chi 24,832 thiếu 5 tỷ 421 (2) Theo tài-liệu  
 1967 58 tỷ 75 17  
 1968 70 tỷ 95 25 của Viện Thống-Kê.  
 1969 80 tỷ 130 50

càng gia tăng gây nhiều bất lợi, thiệt thòi cho dân chúng; nhất là hai giới quân-nhân và công-chức đã chịu ảnh-hưởng nặng nề, càng ngày càng lâm vào cảnh túng quẫn.

Tóm lại, chiến-tranh đã làm cho nền kinh-tế nặng về nông-nghiệp của Việt-Nam hoàn toàn suy sụp gây đói rách cho dân chúng. Trong hoàn-cảnh đó chính-quyền cũng như nhân-dân đã không có khả năng để theo đuổi công cuộc nâng cao dân trí.

### Đoạn III

## NGUYÊN NHÂN XÃ HỘI

Sau cùng chúng ta còn phải kể đến một yếu-tố đã làm cản-trở cho việc nâng cao dân-trí không ít. Đó là yếu tố xã-hội, cơ-cấu, thành-phần và quan-niệm xã-hội đã ảnh-hưởng đến trình-độ hiểu biết nhận xét và quan-niệm của dân chúng giống như ảnh-hưởng của thời-tiết đất-đai đối với kết quả của mùa màng.

### A.- CƠ-CẤU XÃ-HỘI.-

Cơ-cấu xã-hội Việt-Nam có tính cách lưỡng thể gồm hai khu-vực cách biệt nhau về cả vật-chất lẫn tinh-thần. Một cơ-cấu xã-hội như vậy đã gây khó khăn cho những chương trình văn-hóa giáo-dục của chính-quyền không ít.

#### 1) Khu-vực thôn-dã :

Khu-vực này bao gồm đa số dân-chúng trong quốc-gia, thôn-dân thích sống quanh quẩn nơi quê nhà, xa cách với thế-giới bên ngoài, ít chịu ảnh-hưởng của nền văn-minh và văn-hóa Tây-Phương. Trước đây chính-phủ đã áp-dụng những chương-trình cải-tiến nông-thôn nhưng không có kết quả mấy vì lý-do chiến-tranh đã cản-trở sự thi-hành. Do đó nông-thôn vẫn còn giữ bộ mặt cũ thôn dân vẫn sống theo thói quen và tập-tục cổ-truyền với nguyện-vọng được yên ổn làm ăn.



2) Khu-vực thành-thị :

Người dân ở thành-phố được hưởng dụng những tiện-nghi của một đời sống văn-minh, họ có nhiều cơ-hội để tìm hiểu học hỏi, chịu ảnh-hưởng của tư-tưởng tiến-bộ. Họ đã có những nhu-cầu nguyện-vọng khác với thôn-dân. Họ có ý hướng muốn tiến bộ nhưng chỉ chiếm một thiểu-số trong tổng số dân, tỉ-lệ thị-dân trên toàn-dân chỉ có 22%.

B.- THÀNH-PHẦN XÃ-HỘI.

Cơ-cấu xã-hội tổ-chức rời rạc đã làm cho xã-hội Việt-Nam có nhiều thành-phần cách biệt, nhưng tựu chung chỉ có hai tầng lớp rõ rệt là đa số quan chúng thất học và một số trí-thức lãnh-đạo có nhiệm-vụ hướng-dẫn quần-chúng.

Giai-cấp nông-dân là lực-lượng đông đảo chiếm gần 80% dân số. Trên nguyên-tắc họ có thể được hưởng những cơ hội đồng đều để tiến-bộ về trí-thức. Nhưng trên thực-tế vì thiếu khả-năng và phương-tiền do cơ-cấu xã-hội gây nên họ khó có thể có dịp đạt đến một trình-độ kiến-thức lý-tưởng. Tình-trạng này là kết-quả của chính-sách ngu-dân được áp-dụng dưới thời Pháp-thuộc. Nền giáo-duc Âu-Học chỉ giới hạn trong phạm-vi các đô-thị và đòi hỏi người muốn tiến bộ một số ưu-thế xã-hội; mà xã-hội Việt-Nam thành-phần có ưu-thế chỉ chiếm một tỉ-lệ rất nhỏ. Do đó nền giáo-duc này đã không góp phần kiến tạo một trình-độ dân-trí mà chỉ nhằm đào tạo những tay sai cho chế-độ thuộc địa.

Trong khi đó, giới trí-thức dù chỉ là thành-phần thiểu-số nhưng lại là phần-tử hấp-thụ giáo-duc Tây-Phương tại chính quốc, và họ thường phát-xuất từ đô-thị nên đã xa lạ hoàn-toàn với đa số quần-chúng ở nông-thôn. Người trí-thức trở thành trưởng-giả thành-thị vong thân mất gốc đối với cộng-đồng dân-tộc. Do đó họ đã không thể góp phần tích-cực vào việc tạo dựng một trình-độ dân-trí thích-hợp.

C.- QUAN-NIỆM CHUNG CỦA XÃ-HỘI TRONG HÌNH-THỨC VÀ THU-ĐỘNG.-

Đây là sản-phẩm của quan-niệm sai lầm về "lễ, nhạc" của Nho-Giáo còn để lại. Ảnh-hưởng của quan-niệm này đã tạo cho người dân một tinh-thần trong hình-thức quá mạnh để làm cản-trở bước tiến dân-tộc.

Trong cuộc sống hàng ngày, chúng ta vẫn thấy những báo-cáo sai-lạc để che dấu một sự thật. Những ngôi-trường đồ sộ được xây cất trong khi đa số dân-chúng vẫn không có đủ chỗ trong các trường, những trường Đại-Học gần đây đã được thành-lập trong khi con số giáo-sư không có đủ; luật-lệ được ban hành nhưng lại không có hiệu-lực. Hình-thức đã trở thành một lớp sơn hào nhoáng để che đậy cho những thiếu sót, yếu kém về nội-dung. Cuối cùng tinh-thần trong hình-thức đã tạo nên một bậc thang giá-trị lệch-lạc tại Việt-Nam, con người đã được đánh giá qua chức-vụ và quyền-hành; ai cũng muốn đặt chân vào bậc thang giá-trị đó, do đó một nhà phê-bình người Pháp đã phải nhận xét : "Mỗi đứa trẻ Việt-Nam sinh ra đã có sẵn trong đầu một ông quan". Mục-dịch của sự học đặt ra dựa vào tiêu-chuẩn hình-thức như vậy đã làm cản-trở cho việc xây-dựng dân-trí không ít.

Ngoài ra, còn chịu ảnh-hưởng của thuyết "Luân-Hồi" của Phật-Giáo; người dân Việt-Nam đã có một tinh-thần thụ động chỉ biết chịu khổ cực để kêu than và chờ đợi một cuộc sống sung sướng hơn không do mình tạo ra. Sau bao nhiêu năm sống dưới chế-độ quân-chủ, thực-dân bị đè nén, sức chịu-đựng của họ lại càng gia tăng. Đây là một khó-khăn không nhỏ cho chính-quyền mỗi khi cần kêu gọi sự hợp-tác của người dân để giúp họ có được một mức sống tiến bộ.

Tóm lại xã-hội Việt-Nam với một cơ-cấu tổ-chức rời rạc, thành-phần xã-hội thiếu liên-kết và thêm những quan niệm sai-lầm đã làm cho quốc-gia gặp phải rất nhiều khó khăn trong những cố gắng để thoát vòng chậm tiến.

## CHƯƠNG BA.

# NHỮNG BIỆN-PHÁP ĐỂ NÂNG CAO DÂN-TRÍ

Qua những điều trình-bày ở chương trên, chúng ta nhận thấy tình-trạng dân-trí Việt-Nam sở dĩ mãi thấp kém vì luôn luôn vấp phải những trở lực về ba mặt : Giáo-Dục, Kinh-Tế và Xã-Hội.

Để có được một trình-độ dân-trí tương đối khả quan chúng ta phải tìm cách khắc phục những khó khăn trở lực kể trên, để có thể tạo dựng được một môi-trường thích-hợp cho sinh-hoạt dân-chủ.

### Đoạn I

#### PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC

Dân-trí không thể tiến-bộ khi chỉ có một thiểu số có kiến thức còn đa số dốt nát. Muốn cho toàn-thể dân-chúng có được một kiến-thức, quan-niệm tốt đẹp, chính-xác, giáo-dục không thể được coi như một phương-tiện xa-xỉ dành cho một thiểu số có ưu-quyền. Giáo-dục phải được phát-triển sâu rộng để mọi người dân có thể hưởng dụng. Một kế-hoạch giáo-dục dân-chúng phải có hai giai-đoạn :

- giai-đoạn áp-dụng những biện-pháp ngắn hạn.
- giai-đoạn áp-dụng những biện-pháp trường-kỳ.

#### A.- BIỆN-PHÁP NGẮN HẠN.

Trong một hay vài năm không thể ai có được một kiến-thức quan-niệm chính-xác được. Nhưng ít nhất họ cũng có thể biết đọc biết viết, để có thể hấp-thụ được những điều hay qua sách vở. Vấn-đề này đối với chúng ta

thật là quan trọng vì tỉ số dân-chúng thất học ở Việt-Nam lên đến 40%. Vấn-đề thanh-toán nạn mù-chữ phải được đặt ra và giải-quyết; vì lẽ dễ hiểu là thành-phần thất học đông-đảo như vậy có thể làm nguy hại cho quốc-gia về nhiều lãnh vực nếu họ bị Công-sản lợi-dụng. Trước đây dưới thời Đệ-Nhất Công-Hòa công-tác này đã được đề ra và thi-hành với kết-quả khả quan; nhưng sau vì tình-trạng chiến-tranh kết quả của chương-trình đã giảm sút rõ rệt rồi bị quên lãng trước những biến-cố dồn dập. Ngày nay đã đến lúc chúng ta có được một ưu-thế trong cuộc chiến-tranh, vấn-đề cần phải được đặt lại để có thể tạo một nền móng vững chắc cho nền dân-chủ có thể vững mạnh trước sự phá hoại của Công-Sản. Nền móng ấy thiết-tưởng phải là sự hiểu biết của toàn-thể dân-chúng, chúng ta phải giúp họ có cơ-hội để được hiểu biết đồng đều với những người khác về những vấn-đề có liên quan đến đời sống của họ trực-tiếp hay gián tiếp. Họ phải được biết về những sinh-hoạt quốc-gia, vấn-đề bầu-cử những sinh-hoạt chính-trị v.v... Trang bị cho họ một kiến-thức vững chắc về mọi lãnh-vực chúng ta đã có được một hậu-thuần lớn mạnh để tiếp tục công cuộc xây dựng quốc-gia.

## B.- BIÊN-PHÁP TRƯỜNG-KỶ.

Muốn cho dân-trí ngày càng tiến-bộ quốc-gia phải phát-triển sâu rộng giáo-dục. Ý-thức được điều đó, bản Hiến-Pháp ban hành ngày 1-4-1967 đã ghi nhận tại điều 10 khoản 2 : "Nền giáo-dục cơ-bản có tính-cách cưỡng bách và miễn phí". Điều khoản này đã không qui định rõ ràng nền giáo-dục cơ-bản là cấp học nào và dành cho hạng tuổi nào. Tuy nhiên với tình trạng của Việt-Nam nền giáo-dục cơ-bản được quan-niệm là hết bậc tiểu-học và dành cho trẻ em từ sáu tuổi đến mười một tuổi. Bậc học này phải áp-dụng cưỡng bách và miễn phí cho mọi trẻ em thuộc lứa tuổi này. Công-việc này phải được thi-hành chu-đáo để tránh cho số lượng càng ngày càng tăng và lâu dần vượt ra ngoài tầm vóc của chính-quyền. Lẽ dĩ-nhiên là chúng ta phải loại-trừ những khuyết-điểm trong chương-trình học để có thể giúp cho dân chúng có được một cách quan sát, một quan-niệm chính-xác dựa trên căn-bản của một kiến-thức thực-tế. Có thể chúng ta mới có được những người công-dân tốt, thích hợp cho việc xây-dựng và kiện-toàn chế-độ.

Muốn vậy, vai trò của ngành giáo-dục phải được quan niệm là vai-trò quan trọng hàng đầu và do đó phải dành cho một ngân-khoản thích-ứng. Hiện nay ngân-khoản dành cho ngành giáo-dục của Việt-Nam vẫn chưa vượt quá tỉ-lệ 6% so với ngân-khoản dành cho quốc-gia. Điều này thật là vô-lý nếu chúng ta muốn có một trình-độ dân-trí thích-hợp.

## Đoạn II

### PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Có được một nền giáo-dục tốt-đẹp nhưng dân-trí vẫn còn là một chuyện xa vời nếu người dân còn đói rét. Quá bận vì nhu cầu ăn mặc họ sẽ không còn thì giờ và tâm trí để hưởng ứng các chương trình giáo-dục nhằm đào tạo một trình-độ dân-trí thích-hợp do chính-phủ đề ra và như vậy sự thất-bại của chương-trình đã quá rõ. Do đó, nếu muốn có một kết-quả tốt đẹp chính-quyền phải lo cho người dân được no ấm; như vậy tức là quốc-gia phải có một nền kinh-tế phồn-thịnh.

Dưới thời Đệ-Nhất Cộng-Hòa Tổng-Thống Ngô-đình-Diệm đã cho thi-hành hai kế-hoạch ngũ-niên nhằm phát-triển về kinh-tế, về sau vì chiến-cuộc càng ngày càng ác-liệt nên các chương-trình đã bị bỏ dở. Sau thời-gian cách-mạng vì tình-hình chính-trị bất-ổn-định và chiến-cuộc leo thang nên các chính-phủ lâm-thời đã không có thì giờ để nghĩ đến một kế-hoạch phát-triển kinh-tế. Đến cuối năm 1969 chúng ta đã có được một kế-hoạch kinh-tế để áp-dụng sau thời hậu-chiến. Tuy nhiên, trong giai-đoạn hiện tại chúng ta cũng cần phải có những biện-pháp cấp thời để nâng cao mức sống của dân chúng làm giảm bớt sự chênh-lệch giữa lương bổng và giá cả.

1. Phát-triển nông-nghiệp.
2. Nâng cao mức sống của dân-chúng bằng những biện-pháp đặc biệt.
3. Phát-triển kỹ-nghệ thành-thị.

## A.- PHÁT-TRIỂN NÔNG-NGHIỆP.-

Dù chiến-tranh chưa hoàn toàn chấm dứt chúng ta vẫn phải nghĩ đến một chương-trình tái phát-triển nông-nghiệp. Từ năm 1967 chúng ta đã phải nhập-cảng ngay cả đến lúa gạo là sản-phẩm chính-yếu trước đây vẫn dư dùng.

Tình-trạng chiến-tranh đã thu-hẹp diện-tích canh-tác lại vì lý-do an-ninh, nhưng nếu biết áp-dụng kỹ-thuật canh-tác tiến bộ với những máy móc tối tân năng suất đạt được vẫn có thể giúp chính-quyền giảm bớt được số gạo cần nhập-cảng vì năng-xuất được nâng cao.

Thật vậy, năng suất của một thửa ruộng tại Việt-Nam rất thấp kém dù rằng chúng ta có được những vùng đất phì nhiêu tại miền Nam. Sở dĩ có tình-trạng này là vì hiện nay chúng ta vẫn còn canh-tác theo lối cổ-truyền. Để có thể phát-triển kinh-tế thiết-tưởng chúng ta không thể không phát-triển nông-nghiệp.

## B.- NÂNG CAO ĐỜI SỐNG DÂN CHÚNG.-

Tình-hình kinh-tế suy sụp, công việc phát-triển kinh-tế phải đòi hỏi một thời-gian tối-thiểu. Trong thời gian đó chúng ta cần có những biện-pháp vừa có tính-cách kinh-tế xã-hội lại vừa có tính-cách kinh-tế tài-chánh.

Đối với dân-chúng chính-phủ cần phải cải-thiện lại đời sống vật-chất của người dân bằng cách phát-triển hệ-thống an-ninh xã-hội. Người dân phải được cung cấp đầy đủ những nhu-cầu về ăn mặc ở; chính-quyền phải có một hệ-thống nhu yếu-phẩm tốt đẹp, hệ-thống phân-phối hiện nay có quá nhiều khuyết-diểm cần phải được cải-thiện. Phải có những chương-trình nhằm tăng gia các lợi-ích công cộng và tăng-gia các biện-pháp an-ninh xã-hội để có thể giúp người dân có thể được hưởng đầy đủ tiện-ích với khả năng của họ.

Riêng đối với công-chức và quân-nhân chính-quyền cần phải có những biện-pháp đặc-biệt vì đời sống hai giới này hiện quá thấp kém. Họ không thể để tâm vào công-vụ khi họ và vợ con họ phải chịu đói khổ.

Từ trước đến nay chính-quyền gần như chỉ áp-dụng một biện-pháp tăng lương để gọi là nâng đỡ hai giới này. Đây chỉ là biện-pháp có tính-cách hình-thức nhằm trấn-an dư-luận mà không thật sự giúp ích cho họ mà còn làm cho áp lực lạm-phát vốn đã có sẵn lại thêm nặng nề.

Một biện-pháp thiết-thực có thể áp-dụng là chính-phủ đứng ra lập một ngân-hàng dành cho hai giới này. Mỗi người sẽ có một trương-mục mà không phải đóng một số tiền nào; đương sự được phép rút tiền khi chứng minh được tính cách cần-thiết của việc chi-tiêu. Biện-pháp này có lợi là không làm tăng thêm khối lượng tiền tệ lưu-thông trên thị trường nên không tạo áp-lực lạm-phát và làm gia-tăng mức sinh-hoạt. Nhưng biện-pháp này chỉ có thể áp-dụng được sau các biện-pháp có tính-cách an-ninh xã-hội.

### C.- PHÁT-TRIỂN KỸ-NGHỆ THÀNH-THỊ.-

Chúng ta không thể ngồi chờ chiến-tranh chấm-dứt để áp-dụng những kế-hoạch kinh-tế qui mô. Trong giai-đoạn hiện tại để thoát khỏi tình-trạng khó khăn về kinh-tế chúng ta cần phải phát-triển kỹ-nghệ tại các đô-thị.

Công cuộc phát-triển kỹ-nghệ trong giai-đoạn hiện tại sẽ ít gặp trở ngại hơn việc phát-triển nông-nghiệp vì kỹ-nghệ ít chịu ảnh-hưởng của chiến-tranh; một bằng chứng là trong mấy năm qua tuy mức sản-xuất nông-phẩm giảm sút vì chiến cuộc nhưng mức sản-xuất kỹ-nghệ phẩm như vải, rượu, nước ngọt không ngớt gia tăng. Những chỉ-số sau đây chứng minh điều đó.

N ă m	1964	1965	1966	1967	1968	1969	1970
-Sức sản-xuất kỹ-nghệ-phẩm (1)	132	158	171	190	173	213	230

(1) Nguyễn anh Tuấn giảng tập tiền-tệ và Ngân-Hàng Học-Viện Quốc-Gia Hành-Chánh 1972

Ngoài ra, việc phát-triển kỹ-nghệ thành-thị còn góp phần vào việc bành-trướng an-ninh vì kỹ-nghệ thu hút nhân-công và vì tiện lợi nhân-công thường cư-ngụ quanh khu-vực kỹ-nghệ giúp chính-quyền có được một lực-lượng trừ-bị vừa giữ an-ninh vừa nắm được dân-chúng.

### Đoạn 111

## CẢI TẠO XÃ HỘI

Ngày nay thuyết-địa-lý định-mệnh đã không còn đứng vững trước sự cải-tiến về kỹ-thuật do kết-quả của sự ứng dụng các phát-minh khoa-học. Nếu nhu-cầu nâng cao dân-trí là cần-thiết cho quốc-gia nhưng lại gặp phải trở ngại về phương-diện xã-hội chúng ta có thể dùng những phương-cách riêng biệt để khắc phục trở ngại này. Sau đây với tâm hiệu biết hạn hẹp chúng tôi xin đề-nghị một vài biện-pháp nhằm khắc-phục trở ngại này.

### A.- CẢI-TIẾN CƠ-CẤU XÃ-HỘI.

Xã-Hội Việt-Nam đã có một cơ cấu gồm hai khu vực qui tụ hai thành-phần cách biệt nhau gây trở ngại cho công cuộc nâng cao dân-trí, vì những chương-trình kế-hoạch giáo-dục đã không được dân-chúng nông-thôn hưởng ứng trong khi họ chiếm đa số trong cộng-đồng quốc-gia. Để nâng cao dân-trí chúng ta cần giảm bớt những cách biệt trên bằng biện-pháp kể sau :

### THÀNH THỊ HÓA NÔNG-THÔN

- Chính-quyền cần phải giúp thôn dân được hưởng những tiện-nghi của một đời sống thành-thị để họ có dịp gần gũi với thế-giới bên ngoài hơn. Chính-quyền tạo ở thôn quê những hấp dẫn của một đời sống thành-thị bằng các chương-trình điện-khí hóa, phát-triển phương-tiện liên-lạc, thông-tin.

- Phát-triển hệ-thống giao-thông để giúp cho thôn dân có cơ-hội tiếp nhận những tiến bộ của khu-vực đã tiến triển.



- phát động một chương-trình hướng về nông-thôn : từ trước đến nay những tư-nhân xuất sắc, cán-bộ ưu-tú chỉ thích hoạt-động ở các đô-thị làm cho người dân không được hưởng những tiến-bộ của nền văn-minh hiện tại. Để giúp thôn-dân có được những tiện-nghĩ tiến-bộ trên chính-phủ phải cho áp dụng một chính-sách mới về việc xử-dụng nhân-viên. Chính-quyền phải có một đạo-luật qui-định chế-độ mới này nghĩa là những tư-nhân xuất sắc như bác-sĩ, giáo-sư, kỹ-thuật-gia v.v..., các cán-bộ ưu-tú phải qua một thời-gian phục-vụ bắt buộc ở thôn quê rồi mới có thể hay được phép về đô-thị hoạt-động. Như vậy khu-vực thôn-dã mới có dịp tìm hiểu để theo kịp khu-vực thành-thị tiến-triển về mọi mặt.

#### B.- THAY ĐỔI QUAN NIỆM XÃ-HỘI SAI-LẠC.-

- Thực-hiện công bằng xã-hội : Sự thừa nhận cho mọi công-dân bình-dẳng trên pháp-lý chưa đủ. Chính-quyền cần phải thể-hiện quyền bình-dẳng của người dân bằng cách thực-hiện công-bằng xã-hội. Thật sự ra con người chỉ có thể bình-dẳng với nhau trước pháp-luật, sự bình-dẳng bao gồm nhiều lãnh-vực kể cả lãnh-vực văn-hóa giáo-dục. Chính-quyền phải cố gắng thực-hiện một sự bình-dẳng trên nguyên tắc pháp-lý, vì thật sự ra từ lúc sinh ra con người đã gặp sự bất bình-dẳng về mọi phương diện như về sức khỏe, gia-thế, trạng thái bẩm sinh v.v... Chỉ có sự công-bằng xã-hội trên nguyên-tắc pháp-lý mới giúp cho người dân có một cơ-hội đồng đều để phát-triển, như vậy công-cuộc nâng cao dân trí mới khỏi gặp khó khăn cản trở.

- Diệt trừ căn bệnh trong hình-thức : Bằng những hành-vi cụ-thể thực-hiện qua các qui-chế tiến-bộ, những báo cáo sai lạc sẽ không còn; sở dĩ có những báo-cáo sai lạc này vì chính-quyền đã lạm-dụng thẩm-quyền trừng phạt của mình để buộc nhân-viên thuộc cấp phải thực-hiện những điều quá khó khăn đối với khả năng và hoàn cảnh của họ. Do đó để diệt-trừ căn bệnh trong hình-thức, chính-quyền cần phải có một thái-độ thích-hợp là phải trong thực-tế, một thái-độ thích-hợp của chính-quyền sẽ ảnh-hưởng trong dân-chúng qua thời-gian, lúc đó chúng ta mới có thể có được quan-niệm xã-hội tốt đẹp như tại các quốc-gia Tây-Phương.

- Sau cùng để giúp công cuộc cải-tạo xã-hội đạt được kết-quả khả-quan, chính-quyền còn phải phát-động cuộc cải-tạo ngay trong guong máy chính-quyền. Thối rất tham-những cần được diệt-trừ, điều này đòi hỏi chính-quyền một thái-độ cứng rắn và kiên-nhẫn để có thể áp-dụng những biện-pháp mạnh có thể làm thất nhân tâm nhưng có lợi cho công cuộc cải-tạo xã-hội. Như vậy, nhà lãnh-dạo phải có một thái-độ cách-mạng, và tất cả vấn-đề tùy-thuộc vào thái-độ của người này.



## KẾT LUẬN

-61-

Sau khi dành được độc-lập người Việt-Nam đã hướng hẳn về lý-tưởng cao xa : Tự-Do và Dân-Chủ. Việc thực-hiện lý-tưởng đó đã không đạt được kết-quả mong muốn, vì chúng ta đã thiếu hẳn một yếu-tố quan-trọng để có thể đạt đ ể n mục-tiêu xây-dựng Dân-Chủ; chúng ta thiếu một trình độ dân trí. Nhưng dù gặp phải khó khăn trở ngại chúng ta cũng vẫn phải cố gắng khắc-phục, vượt qua; vì trong tình-thế hiện tại của đất nước chỉ có chế-độ Dân-Chủ Tự-Do mới có thể giúp chúng ta dung nạp mọi xu-hướng chính-trị, và có thể huy-động toàn lực quốc-gia vào việc ngăn-cản chế-độ độc-tài (Công-sân. Như vậy, việc xây-dựng dân-chủ là một sinh lộ cho chúng ta thoát khỏi vòng kềm tỏa của một chế - độ độc tài. Nhưng ai là người có trách-nhiệm xây-dựng dân - chủ ?

(Ông cuộc xây-dựng một chế-độ đòi hỏi sự hợp-tác của cả dân-chúng lẫn chính-quyền.

Dân-chúng phải ý-thức được nghĩa-vụ và quyền-lợi của mình một cách đúng mức. Phải ý-thức được trách-nhiệm của mình đối với quốc-gia và cùng nhau đoàn-kết để xây-dựng đất nước.

Nhưng vai-trò của chính-quyền cũng không kém quan trọng, vì với khả-năng và phương-tiện để phát-huy hay tiêu diệt nền dân-chủ để đi đến một chế-độ độc-tài. Sự việc này đòi hỏi sự thành-tâm thiện-chí của chính-quyền hơn là sự vững chắc của văn-kiến căn-bản.

Í-thức của người dân, thiện-chí của chính-quyền lệ-thuộc vào trình-độ hiểu-biết, quan-niệm của toàn-thể dân-chúng. Vấn-đề dân-trí được đặt ra. Ở nước ta trình-độ dân-trí thấp kém đã tạo nên một trở-ngại lớn lao cho việc tạo dựng một chế-độ dân-chủ. Để kiến-tạo chế-độ dân-chủ tự-do lý-tưởng chúng ta lại phải chung lưng góp sức để xây - dựng một trình-độ dân-trí thích-hợp. Công cuộc này không thể coi như nhiệm-vụ riêng của chính-quyền mà còn đòi hỏi sự hy-sinh đóng góp của toàn dân.

Để đạt mục-đích đó tôn-giáo cần giã-từ hành-vi bạo-động thiếu xây-dựng; Chính-đảng phải góp phần vào việc giáo dục công-dân. Nhưng hiện-tình chính-đảng Việt-Nam không cho phép chúng ta kỳ vọng quá nhiều; do đó giới trí-thức ưu - tú cần đóng vai-trò tích-cực trong vấn-đề kiến-tạo dân-trí để kiến toàn dân-chủ.

Muốn được như thế-giới trí-thức phải từ bỏ tháp ngà của mình để cùng nhau đoàn-kết hòa mình trong cộng-đồng dân-tộc, để hướng-dẫn quần-chúng cải-thiện lại đời sống và tư-tưởng góp phần hữu ích trong việc xây-dựng dân-chủ. Có như vậy giới trí-thức mới xứng-đáng với sự tin-nhiệm và ưu-đãi của mọi người.

Nói tóm tắt trong khung-cảnh xã-hội Việt-Nam hiện nay, những hứa hẹn tương lai của một chế-độ dân-chủ lý-tưởng chỉ là chuyện xa vời nếu các nhà lãnh-đạo, các bậc trí-thức thiếu sự đoàn-kết và hy-sinh để có thể góp phần vào việc nâng cao trình-độ học-vấn của nhân-dân; vì dân-chủ không phải là món quà vô-tri có thể phát cho người ngu dốt không biết thưởng thức nó.

## THƯ TỊCH

### SÁCH IN

- BÔNG, Nguyễn văn  
Luật Hiến-Pháp và Chính-Trị-Học 1971, Saigon
- BẢNG, Nguyễn Hữu  
Tìm một hướng đi cho nền giáo-dục Việt-Nam mới.  
1958, Saigon Thế-Giới xuất-bản.
- ĐẠT, Trương-Tiến  
Hiến-Pháp Chú-Thích 1967, Saigon.
- MAURICE DIVERGER  
Các chế-độ chính-trị hiện nay, 1967, Saigon.  
(TẾ-XUYẾN dịch) Khai-Trí xuất-bản.
- THÊM, Đoàn  
Hai Mươi Năm Qua 1967, Saigon.  
Nam-Chi Tùng-Thư xuất-bản.
- THÊM, Đoàn  
Những ngày chưa quên 1967, Saigon  
Nam-Chi Tùng-Thư xuất-bản.

### BÀI-BÁO

- ÂN, Trần văn  
Việt-Nam trước lựa chọn dân-chủ. Tập-sân  
Quốc-Phòng số 21.

- BÔNG, Nguyễn van  
Nhân-xét về Điều 10 khoản 7 Luật bầu-cử Tổng-  
Thống nhiệm-kỳ 1971-1975. Cấp-Tiến 25/26.
- BÔNG, Nguyễn van  
Vai-trò chính-dảng và cuộc sinh-hoạt chính-trị  
Việt-Nam Cộng-Hoà. Cấp-Tiến số 13.
- BÔNG, Nguyễn van  
Vấn-đề nhơn-sự của chế-độ. Cấp-Tiến số 18.
- ĐÀI, Hoàng-Xuân  
Vấn-đề giáo-dục trong các quốc-gia chậm-tiến.  
Tập-chí Văn-Học số 81.
- HIỆP, Phạm-Hữu  
Hiện-trạng ngành Đại-Học Việt-Nam. Giáo-Dục  
Nguyệt-San số 49.
- HUY, Nguyễn-Ngọc  
Quyền phúc-nghị của Tổng-Thống Đệ II Cộng-Hoà  
Cấp-Tiến 6 và 7.
- KHÊ, Đỗ-Bá  
Tình-trạng giáo-dục khoa-học kỹ-thuật tại V.N.  
Cấp-Tiến số 25 và 26.
- THỨC, Vũ-Quốc  
Phát-Triển Xã-Hội trong khuôn khổ phát-triển  
kinh-tế. Tập-san Quốc-Phòng số 12.
- TÀI, Tạ-van  
Phát-triển chính-trị. Tập-san Quốc-Phòng số 16.
- TỔNG, Dương-Thiệu  
Giáo-dục trong dân-chủ tự-do. Giáo-Dục nguyệt-  
san số 49.

NHỮNG TÀI-LIỆU KHÔNG ĐƯỢC IN

- LUÂN-ÁN

TƯƠNG, Nguyễn-văn

"Démocratie en Asie". Luận-án Tiến-sĩ Luật-Khoa  
Saigon, 1965.

- LUÂN-VĂN

BON, Võ-van

Cao-Học 3 : Trở-lực xây-dựng dân-chủ tại Việt-Nam.

BỮU, Trương-Thoại

Cao-Học 3 : Việt-Nam hiện tại và tương-lai.

HOÀNG, Thái-Tang

Cao-Học 2 : Kinh-nghiệm dân-chủ ở Việt-Nam.

TRẠC, Nguyễn-Bá

Cao-Học 1 : Vấn-đề dân-chủ ở Việt-Nam.

THIỆT, Nguyễn-Trọng

Cao-Học 4 : Dân-chủ và chậm-tiến tại các quốc-gia  
Đông-Nam-Á.

- GIẢNG-TẬP

BÔNG, Nguyễn-văn

Các vấn-đề chính-trị 1970. Giảng-tập Ban Đốc-Sự  
17A.

HẢO, Nguyễn-văn

Phát-triển kinh-tế 1971. Giảng-tập Ban Đốc-Sự 17A.

TƯƠNG, Nguyễn-văn

Định-chế chính-trị 1969. Giảng-tập Ban Đốc-Sự 17A.

- TÀI-LIỆU THUYẾT-TRÌNH

HẢO, Nguyễn-văn

Nghĩ về nền kinh-tế Việt-Nam khi hoà-bình văn-hội  
(Lễ khai-giảng tại Học-Viện Quốc-Gia Hành-Chánh  
nam 1971).